

Câu 1: Xã hội học là gì? Trình bày đối tượng nghiên cứu của xã hội học và mối quan hệ giữa xã hội học với các khoa học xã hội khác?

a. Khái niệm: Về mặt thuật ngữ, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, XHH “ Sociology” có gốc ghép từ 2 chữ: Societas” +“ logos” có nghĩa là học thuyết, nghiên cứu. Nh- vậy XHH đ- ọc hiểu là học thuyết về xã hội, nghiên cứu về xã hội.

Về mặt lịch sử, thuật ngữ này xuất hiện lần đầu tiên năm 1938 trong cuốn “ Thực chứng luận” của nhà xã hội học Aguste Comte. Từ đó, năm 1938 đ- ọc lấy làm mốc ra đời của môn xã hội học. A.Comte đ- ọc coi là cha đẻ của XHH.

Nghiên cứu mối quan hệ này XHH chỉ ra đặc điểm tính chất, đk, cơ chế của sự hình thành vận động và biến đổi t- ơng tác giữa con ng- ời và xh.

Hiện có nhiều tr- ờng phái XHH với các quan điểm khác nhau nh- ng các định nghĩa về XHH mà họ tìm ra cũng có nhiều điểm t- ơng đồng:

- XHH là một môn khoa học thuộc các khoa học XH, nghiên cứu các t- ơng tác XH, đặc biệt đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống sự phát triển, cấu trúc, mối t- ơng quan XH và các hành vi hoạt động của con ng- ời trong các tổ chức, nhóm XH.

- Theo các nhà XHH Xô viết tr- ớc đây thì XHH macxit là khoa học về các quy luật phổ biến và đặc thù của sự vận động và phát triển của các hệ thống XH xác định; là khoa học về các cơ chế hoạt động và các hình thức biểu hiện của quy luật đó trong hoạt động của các cá nhân, tập đoàn XH, giai cấp, dân tộc.

- Theo định nghĩa của G.V. Osipov: “ Xã hội học là khoa học về các quy luật và tính quy luật xã hội chung và đặc thù của sự phát triển và vận hành của các hệ thống XH xác định về mặt lịch sử, là khoa học về các cơ chế tác động và các hình thức biểu hiện của các quy luật đó trong hoạt động của các cá nhân, các nhóm XH, các giai cấp và các dân tộc” .

Định nghĩa chung XHH:

XHH là một lĩnh vực khoa học Xh nghiên cứu quy luật, tính quy luật của sự hình thành, vận động, biến đổi mối quan hệ, t- ơng tác qua lại giữa con ng- ời và xã hội.

b. Đối tượng nghiên cứu:

XH là một chỉnh thể rộng lớn toàn diện, là khách thể nghiên cứu của nhiều KHXH, trong đó có XHH.Theo đó, đối tượng nghiên cứu của XHH là các quan hệ Xh, t- ơng tác XH đ- ọc biểu hiện thông qua các hành vi Xh giữa ng- ời với ng- ời trong các nhóm, các hệ thống Xh.

Xét trong tiến trình phát triển của XHH, các vấn đề kép : “ *con ng- ời – xã hội*” ; *hành động xã hội – cơ cấu xã hội*” ; và “ *vi mô - vĩ mô*” . là chủ đề trung tâm trong nghiên cứu XHH.

Quan điểm chính thống đ- ọc thừa nhận về đối tượng N/c của XHH:

- Là giữa một bên là con ng- ời với t- cách là các cá nhân, các nhóm, các cộng đồng XH với một bên là XH với t- cách là các hệ thống XH, các thiết chế Xh và cơ cấu xh.

Nói một cách khái quát, đối tượng nghiên cứu của XHH là mối quan hệ t- ơng tác về hành vi XH của con ng- ời, mối quan hệ hữu cơ, sự ảnh h- ưởng lẫn nhau giữa một bên là con ng- ời với t- cách là cá nhân, nhóm, cộng đồng ng- ời và một bên là xã hội với t- cách là hệ thống XH, cơ cấu XH.

c. Mối quan hệ giữa XHH và các KHXH khác.

* Với Triết học :

Triết học là khoa học nghiên cứu quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và t- duy. Quan hệ giữa XHH và triết học là mối quan hệ giữa 1 KHXH cụ thể với 1 KH về thể giới quan trong quan hệ đó. Triết học và KH triết học Mác-Lênin là nền tảng thế giới quan, là cơ sở PP luận cho ng.cứu của XH học, macxit. Các nhà XHH macxit vận dụng chủ nghĩa DVLS và phép biện chứng duy vật làm công cụ lý luận sắc bén để nghiên cứu và cải thiện mối quan hệ giữa con ng- ời và XH.

Ng- ọc lại qua nghiên cứu thực nghiệm XHH lại cung cấp số liệu thông tin, bằng chứng mới, số liệu mới mẻ cho khái quát triết học về con ng- ời và XH, làm cho triết học không bị khô cứng, lạc hậu tr- ớc những biến đổi, quy luật mới về đời sống XH vận động không ngừng.

Triết học và XHH là hai KH độc lập nh- ng chúng có tính biện chứng, có mối quan hệ mật thiết với nhau.

*** Với sử học và tâm lý học:**

XHH ra đời sau, tiếp thu và kế thừa rất nhiều thành tựu, tri thức của sử học và tâm lý học để nghiên cứu mối quan hệ tương tác giữa con người với XH.

XHH có mối liên hệ chặt chẽ với TL học và Sử học. Các nhà XHH có thể vận dụng cách tiếp cận tâm lý học để xem xét hành động XH với tư cách là hoạt động cảm tính, có đối tượng, có mục đích. XHH có thể coi cơ cấu XH, tổ chức XH, thiết chế XH với tư cách là những chủ thể hành động. XHH có thể quán triệt quan điểm LS trong việc đánh giá tác động của hoàn cảnh, điều kiện XH với con người. Các nhà nghiên cứu có thể phân tích yếu tố “ thời gian xã hội” qua các khái niệm tuổi tác, thế hệ ...khi giải thích những thay đổi XH trong đời sống con người.

*** Với Kinh tế học.**

KT học nghiên cứu quá trình sx, tổ chức sản xuất, phương pháp lưu thông sản phẩm, phân phối tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ trong XH, XHH nghiên cứu bối cảnh văn hoá, cách tổ chức xã hội và mối quan hệ XH giữa người với người trong quá trình kinh tế, sự tác động của lĩnh vực kinh tế lên đời sống XH của con người.

XHH kế thừa vận dụng, vay mượn của Kinh tế học những khái niệm, phạm trù và lý thuyết thích hợp nhằm nghiên cứu đối tượng của mình. Chẳng hạn như: lý thuyết trao đổi, lý thuyết vốn con người và khái niệm thị trường, bắt nguồn từ kinh tế học, nay đang được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu XHH. Những khái niệm XHH như mạng lưới xã hội, vị thế xã hội hay hành động XH đang được các nhà KT học rất quan tâm.

Mối quan hệ giữa XHH và KT học phát triển theo ba xu hướng tạo thành ba lĩnh vực KH liên ngành. Một là KT học xã hội rất gần với KT học chính trị, hai là XH học Ktế và ba là lĩnh vực nghiên cứu “ Kinh tế học xã hội”

*** Với chính trị học :**

Chính trị học chủ yếu nghiên cứu quyền lực và sự phân chia quyền lực - lĩnh vực chính trị của đời sống XH. Phạm vi quan tâm CT học khá rộng từ thái độ, hành vi chính trị của cá nhân tới hoạt động chính trị của các nhóm, tổ chức và lực lượng xã hội. XHH cũng nghiên cứu về quyền lực xã hội (Nảy sinh tồn tại giữa người với người trong XH) như một chủ trọng và tập trung vào mối liên hệ giữa các tổ chức, thiết chế chính trị và cơ cấu xã hội. Mối quan hệ chặt chẽ giữa XHH và CT học thể hiện trên hết ở việc cùng vận dụng các lý thuyết, khái niệm và phương pháp chung cho cả CT học và XHH. Ví dụ: PP phỏng vấn, điều tra dân luận xã hội và phân tích nội dung đang được áp dụng phổ biến trong hai lĩnh vực khoa học này.

Giữa XHH và các KH khác có sự giao thoa về tri thức. Trong mối quan hệ đó. Do XHH ra đời sau nên được nhận nhiều hơn cho (tri thức, thành tựu, khái niệm, phạm trù). Điều đó có nghĩa là XHH không ngừng tiếp thu các thành tựu của các khoa học khác. Trên cơ sở đó, XHH có nhiệm vụ phát triển và hoàn thiện hệ thống khái niệm, phạm trù và PP luận nghiên cứu của mình.

Câu 2: Cơ cấu xã hội học là gì ? Các cấp độ nghiên cứu của cơ cấu xã hội học ?

a. Có thể căn cứ vào mức độ trừu tượng, khái quát của tri thức XHH để phân chia cơ cấu XHH thành 3 bộ phận có mối liên hệ mật thiết với nhau:

- XHH trừu tượng lý thuyết: Nghiên cứu khái quát một cách khách quan, khoa học các vấn đề của thực tiễn xã hội nhằm phát hiện các tri thức mới và xây dựng lý thuyết, khái niệm và phạm trù XHH..Trên cơ sở đó xây dựng các tri thức lý thuyết XHH.

- XHH thực nghiệm: là một bộ phận XHH nghiên cứu về hiện tượng, quá trình xã hội bằng cách vận dụng lý thuyết, khái niệm XHH và các PP thực chứng như quan sát, đo lường, thí nghiệm nhằm kiểm tra, chứng minh hoặc kết luận những vấn đề do quan sát đem lại. Được rút ra từ lý thuyết XHH (Giải thích các vấn đề nảy sinh trong xã hội)

- XHH ứng dụng: Là bộ phận XHH có nhiệm vụ vận dụng các nguyên lý, ý tưởng lý thuyết XHH, tri thức XHH để phân tích, tìm hiểu và giải quyết các tình huống, sự kiện của đời sống xã hội nhằm kiểm chứng trong thực tiễn để giải quyết vấn đề cuộc sống đang đặt ra, đem lại kết quả nhất định nào đó cho sự phát triển của xã hội.

b. Cấp độ nghiên cứu của cơ cấu xã hội học .

Căn cứ vào cấp độ riêng - chung;; bộ phận - chỉnh thể của tri thức và lĩnh vực nghiên cứu của XHH thì ng- ời ta chia cơ cấu XHH làm 2 bộ phận, đó là: XHH đại c- ơng và XHH chuyên ngành:

- XHH đại c- ơng nghiên cứu các quy luật, tính quy luật, thuộc tính và đặc điểm chung nhất, khái quát nhất của các hiện t- ợng và quá trình XH, XHH đại c- ơng có nội dung nghiên cứu rất gần với XHH vĩ mô và XHH lý thuyết

- XHH chuyên ngành (chuyên biệt) là bộ phận XHH gắn lý luận XHH đại c- ơng vào việc nghiên cứu các hiện t- ợng của lĩnh vực cụ thể, nhất định của đời sống XH.

Quy mô, kích cỡ của hệ thống XHH đ- ợc chia ra 2 loại: XHH vi mô và XHH vĩ mô

+ XHH vi mô: ngh.cứu hệ thống XH quy mô nhỏ, nhóm.

+ XHH vĩ mô: ngh.cứu hệ thống XH có quy mô lớn của một Quốc gia, dân tộc hay một chế độ XH chuyên biệt (XH TBản, XH Pkiến, XH XHCN...)

Cơ cấu tổng thể chung nhất của XHH gồm 2 bộ phận: XHH Lý thuyết và XHH thực nghiệm.

Câu 3. Phân tích các chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của XHH. Nhiệm vụ của XHH ở VN hiện nay?

XHH cũng nh- các KH khác đều có ba chức năng cơ bản: Chức năng nhận thức chức năng thực tiễn chức năng giáo dục (t- t- ớng)

a. Chức năng của XHH

* Chức năng nhận thức trang bị cho ng- ời học hệ thống tri thức về sự phát triển XH, quy luật về sự phát triển, cơ chế của quá trình phát triển..

- Chức năng nhận thức của XHH còn đ- ợc thể hiện thông qua chức năng ph- ơng pháp luận của nó, thể hiện ở chỗ nó là những thông tin khoa học tập trung ,chọn lọc loại trừ tất cả những gì là thứ yếu, đóng vai trò những nguyên lý, những chuẩn mực nghiên cứu XH.

* Chức năng thực tiễn: Trên cơ sở phân tích thực trạng, XHH làm sáng tỏ triển vọng phát triển XH trong t- ơng lai gần và t- ơng lai xa, giúp con ng- ời kiểm soát đ- ợc các quan hệ XH của mình và điều hoà các quan hệ đó sao cho phù hợp với yêu cầu khách quan.

- Chức năng thực tiễn của XHH không tách rời những đề xuất, kiến nghị mà nó đề ra nhằm đáp ứng yêu cầu của quản lý XH, nhằm củng cố mối quan hệ giữa KH và thực tiễn. Chức năng thực tiễn biểu hiện ra là chức năng quản lý ,Chỉ đạo hoạt động quản lý .Những dự báo trong quản lý trên thực tế không thể hiện có hiệu quả nếu không có dự báo XHH.

* Chức năng giáo dục (t- t- ớng): XHH trang bị những tri thức KH khách quan ,góp phần hình thành t- duy khoa học, hình thành thói quen, nếp suy nghĩ khoa học và hành động phù hợp quy luật khách quan.

- XHH ở n- ớc ta góp phần giáo dục cho quần chúng nhân dân theo định h- ướng XH chủ nghĩa phát huy tích cực, hạn chế tiêu cực trong kinh tế thị tr- ờng giáo dục t- t- ớng XHCN.

b. Nhiệm vụ của XHH

- Nghiên cứu lý luận (thực nghiệm ứng dụng). Đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để khẳng định là một khoa học độc lập. Xây dựng hệ thống tri thức KH riêng biệt (để tránh phải vay m- ợn)

- Nghiên cứu thực nghiệm. là một nhiệm vụ quan trọng tập trung nghiên cứu lý luận để có những thông tin bằng chứng mới mẻ, số liệu thực tế và để khẳng định và để kiểm chứng giả thuyết KH trên thực tiễn. Để hình thành t- duy XH học đó là t- duy thực nghiệm.

- Nghiên cứu ứng dụng để vạch ra cơ chế đ/k giải pháp cho việc vận dụng các cái phát hiện của ngcứu lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra

c. XHH ở Việt Nam hiện nay :

Là một bộ phận của XHH thế giới tập trung vào 2 nhiệm vụ chính:

- Đầu t- cho việc nghiên cứu lý luận để xây dựng hệ thống tri thức XHH phù hợp với bối cảnh XH Việt Nam.
- Cùng với các lĩnh vực KH khác tham gia vào việc giải quyết, làm sáng tỏ những vấn đề mới nảy sinh và góp phần đề ra các biện pháp thực tiễn có tính khả thi cao của đời sống XH trong quá trình đổi mới và XD đất nước.

Hàng loạt các vấn đề cụ thể:

- SN CNH-HĐH đất nước
- Biến đổi các g/c, tầng lớp XH.
- Các c/s bảo đảm tiến bộ XH và công bằng XH
- XD nền VH tiên tiến đậm đà bản sắc VH dân tộc.
- Tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng.
- XD NN pháp quyền của dân, do dân, vì dân.
- Phát triển nền KT h. hoá nhiều Tp, vận hành theo cơ chế TT có sự quản lý của NN theo con đường XHCN.

Câu 4: Phân tích những điều kiện, tiền đề ra đời của xã hội học? ý nghĩa sự ra đời của XHH.

a. Điều kiện, tiền đề

Kinh tế – XH :

- Ở Châu Âu cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19 phương thức sản xuất của CNTB ra đời và phát triển lớn mạnh. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 2 diễn ra ở hầu khắp Châu Âu đã làm thay đổi cơ bản mọi hoạt động, thúc đẩy kinh tế phát triển nhảy vọt. Nhiều lĩnh vực công nghiệp mới, ngành nghề mới xuất hiện giao thông vận tải phát triển nhanh khiến cho hàng hoá và sản phẩm công nghiệp lưu chuyển thuận lợi từ vùng này sang vùng khác, từ nước này sang nước khác. Thị trường không ngừng mở rộng, thương mại phát triển và bản thân thị trường đã làm lung lay trật tự phong kiến đã tồn tại hàng nghìn năm ở Châu Âu. Phương thức sản xuất TBCN thay thế dần phương thức sản xuất phong kiến, hình thái kinh tế phong kiến bị lật đổ. CNTB tạo ra rất nhiều của cải vật chất cho xã hội. Sau 100 năm đã tạo ra một khối của cải vật chất khổng lồ.

- Từ chính sự biến đổi kt dẫn đến sự phát triển nhảy vọt của đời sống XH ở châu Âu.
- Lối sống XH thay đổi đô thị hoá phát triển nhanh chóng ở mọi ngõ ngách của XH Châu Âu. Đồng ruộng làng mạc bị thu hẹp, lối sống điền dã mạnh mẽ của nông nghiệp nông thôn dần dần bị đẩy lùi, thay vào đó là lối sống đô thị theo tác phong công nghiệp - XH công nghiệp .
- Hệ thống các giá trị chuẩn mực XH cổ truyền coi trọng đạo đức, tình cảm dần dần cũng bị thay thế bởi hệ thống giá trị chuẩn mực mới theo xu hướng thực dụng và bạo lực.
- Thiết chế XH: Ngày càng quan tâm hơn đến việc điều chỉnh và kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực kinh tế các quan hệ kinh tế .
- Quy mô và cơ cấu gia đình cũng thay đổi theo xu hướng quy mô gia đình nhỏ chỉ với 1, 2 thế hệ, gia đình hạt nhân.
- Cơ cấu XH cũng thay đổi mà điển hình nhất là cơ cấu XH giai cấp biến đổi, cơ cấu XH lao động ngành nghề biến đổi. Nông dân từ làng mạc đồng quê tiến về khu đô thị, thành phố để kiếm sống .

Sự xuất hiện C/m lần thứ 2 này nó đã làm cho nền kinh tế XH ở châu Âu bị đảo lộn, bị xáo trộn. Con người thì bàng hoàng trước sự biến đổi nhanh chóng của đời sống XH.

* Bên cạnh những biến đổi về kinh tế – Xh, về mặt đời sống chính trị XH cũng có rất nhiều biến động ở cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19. Nổi bật nhất là xuất hiện hàng loạt cuộc cách mạng tư sản. Điển hình là C/M tư sản Pháp 1789. Đây là dấu mốc, cú đánh mạnh mẽ vào thành trì Xh phong kiến Châu Âu và cũng là cú đánh mở ra thời kỳ hình thành chế độ chính trị XH mới ở các nước Châu Âu.

- Quyền lực chính trị cũng có sự thay đổi từ tay giai cấp phong kiến quý tộc, tầng lớp chuyển sang g/c phong kiến tư sản và số ít những người nắm giữ tư liệu sản xuất của XH.

- Trật tự chính trị - XH chuyên chế độc đoán và nhà n- ốc phong kiến bị thay thế bằng chế độ dân chủ, chuyên chế của nhà n- ốc t- sản.

Mâu thuẫn XH trong lòng XH cũng thay đổi. Mâu thuẫn giai cấp t- sản và vô sản thay thế cho giai cấp địa chủ và nông dân .

- Đặc biệt C/m t- sản Pháp với tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền lần đầu tiên đề cập đến tự do – bình đẳng bác ái đã làm thay đổi t- duy chính trị của con ng- ời. làm dấy lên trong lòng XH rất nhiều phong trào đấu tranh đòi dân quyền bình đẳng bác ái trong XH.

Biến động chính trị ở châu âu thời kỳ này làm cho trật tự chính trị XH ở Châu âu mất ổn định. Trật tự kinh tế chính trị XH ở Châu âu đầy biến động làm xuất hiện trong xã hội một nhu cầu phải nghiên cứu thực tại XH để tìm ra giải pháp cho việc lập lại trật tự XH ổn định tạo điều kiện cho cả cá nhân và XH cùng phát triển.

• Tiền đề t- t- ổng và lý luận KH.

- Tiền đề này làm nảy sinh XH học bắt nguồn từ những t- t- ổng khoa học và văn hoá thời đại

+ Khoa học tự nhiên và khoa học xã hội thời kỳ này rất phát triển và phát triển v- ợt bậc, làm thay đổi nhận thức thế giới quan của con ng- ời thông qua các học thuyết , thành tựu XH, các phát minh trong lĩnh vực vật lý , thiên văn .. Sinh học góp phần nâng cao hiểu biết của con ng- ời về thế giới , cả vi mô lẫn vĩ mô (nhận thức) góp phần giải phóng t- t- ổng con ng- ời thoát khỏi sự chi phối của t- t- ổng tôn giáo .

Lần đầu tiên trong lịch sử nhận thức t- t- ổng của nhân loại, con ng- ời nhận ra rằng thế giới này là một chỉnh thể có cấu trúc và vận động biến đổi theo quy luật.

- Thành tựu về khoa học tự nhiên ảnh hưởng mạnh đến XH các học thuyết XH đã thay đổi căn bản nhận thức XH. đặc biệt là triết học Mark . Con ng- ời nhận thức đ- ợc rằng XH cũng là một chỉnh thể, cũng và biến đổi theo quy luật

Các nhà khoa học thời kỳ này cũng khao khát nghiên cứu quy luật của XH, nghiên cứu XH tìm ra quy luật vận động của đời sống XH và sử dụng nó nh- những công cụ để xây dựng cải biến XH theo xu hướng ngày một tiến bộ hơn.

b. ý nghĩa sự ra đời của XHH.

XHH ra đời đã làm thay đổi nhận thức, thay đổi thế giới quan và PP luận của con ng- ời về sự biến đổi trong đời sống KT-XH. Với những tri thức mới do XHH đem lại, con ng- ời hoàn toàn có thể hiểu đ- ợc, giải thích đ- ợc các hiện tượng Xh bằng các khái niệm, phạm trù và PP nghiên cứu khoa học. XHH đã trang bị cho con ng- ời nhận thức khoa học về các quy luật của sự phát triển, và tiến bộ XH, nhận diện xã hội một cách đúng đắn, lấy đó làm công cụ để giải quyết những vấn đề mới nảy sinh từ đời sống xã hội, góp phần vào việc kiến tạo những chính sách xã hội và để lập lại trật tự XH, xây dựng XH ngày càng tốt đẹp hơn.

Câu 5: Nêu những đóng góp của Auguste Comte (1789 – 1857) đối với sự ra đời và phát triển của XH.

“ XHH là khoa học về các quy luật của tổ chức XH” .

* **Tiểu sử :** Sinh năm 1789 trong một gia đình Gia tô giáo ng- ời Pháp ông có t- t- ổng tự do và cách mạng rất sớm. Ông đ- ợc biết đến nh- là một nhà toán học, Vật lý, thiên văn học. Nhà triết học theo dòng thực chứng và là 1 nhà XHH nổi tiếng. Gia đình theo xu hướng quân chủ nh- ông lại có t- t- ổng tự do tiến bộ .

- Sinh ra ở một đất n- ốc đầy biến động, t- t- ổng của ông chịu ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế – Xh Pháp cuối TK 18 đầu Tk 19 cũng nh- những mâu thuẫn giữa tôn giáo và khoa học xung đột gay gắt.

*** Tác phẩm:**

Công trình cơ bản gồm 2TP :

- Hệ thống chính trị học thực chứng

- Triết học thực chứng.

*** Đóng góp cụ thể:**

+ Là ng-ời đặt tên cho lĩnh vực khoa học xã hội học vào năm 1838 trong tập sách thực chứng luận xuất hiện cụm từ XHH.

- Ông có công lớn là tách tri thức XHH ra khỏi triết học để tạo tiền đề cho sự hình thành một bộ môn khoa học mới chuyên nghiên cứu về đời sống XH của con ng-ời.

+ Quan niệm của ông về XHH và cơ cấu XHH. Trong bối cảnh mới ông cho rằng XHH là một lĩnh vực khoa học nghiên cứu về quy luật tổ chức đời sống XH của con ng-ời (khoa học thực tại XH)

Ph- ơng pháp nghiên cứu : Ông còn gọi XHH là vật lý học XH vì XHH có ph- ơng pháp nghiên cứu gần giống với ph- ơng pháp nghiên cứu vật lý học . Nó cũng gồm 2 lĩnh vực cơ bản : Tĩnh học XH và Động học XH

Động học XH là bộ phận nghiên cứu hệ thống XH trong trạng thái vận động biến đổi theo thời gian

Còn Tĩnh học XH là bộ phận nghiên cứu trạng thái tĩnh của XH và cơ cấu của XH các thành phần phần tạo lên cơ cấu và các mối quan hệ giữa chúng .Tĩnh học XH chỉ ra các quy luật tồn tại XH(động học XH chỉ ra quy luật vận động biến đổi)

+ Ph- ơng pháp nghiên cứu XHH: Ông cho rằng XHH phải vận dụng các ph- ơng pháp của KH tự nhiên để nghiên cứu XH .Nh- ng về sau ông chỉ ra rằng XHH phải nghiên cứu bằng ph- ơng pháp thực chứng .Ông định nghĩa : ph- ơng pháp thực chứng là ph- ơng pháp thu thập xử lý thông tin kiểm tra giả thuyết và xây dựng lý thuyết . So sánh và tổng hợp số liệu.

Có 4 ph- ơng pháp cơ bản:

- PP quan sát
- PP thực nghiệm.
- PP so sánh lịch sử.
- PP phân tích lịch sử.

+ Quan niệm về cơ cấu XH .Ban đầu ông cho rằng cá nhân là đơn vị cơ bản nhất của cơ cấu XH (đơn vị hạt nhân). Về sau ông lại cho rằng gia đình mới là đơn vị hạt nhân của Xh và có thể coi gia đình nh- một tiểu cơ cấu XH.

Ông kết luận một cơ cấu XH vĩ mô đ- ợc tạo thành từ nhiều tiểu cơ cấu XH đơn giản hơn. Các tiểu cơ cấu XH này tác động qua lại lẫn nhau theo một cơ chế nhất định để bảo đảm cho XH tồn tại và phát triển ổn định.

+ Cách giải thích về quy luật vận động XH, quy luật 3 giai đoạn của t- duy. Quy luật phát triển của t- duy nhân loại qua 3 giai đoạn

- Giai đoạn t- duy thần học
- Giai đoạn t- duy siêu hình
- Giai đoạn t- duy thực chứng

Ông vận dụng quy luật này để giải thích rất nhiều hình t- ợng cụ thể của t- duy của XH.

Giải thích quá trình t- duy từ lúc sinh ra là xã hội hiện thực lẫn XH tinh thần đều vận động phát triển theo quy luật 3 giai đoạn: XH thần học – Xh siêu hình – XH thực chứng .

Giai đoạn XH thần học từ thế kỷ 14 trở về tr- ớc

Giai đoạn siêu hình từ thế kỷ 14 đến tk 18

Giai đoạn thực chứng sau TK 18 đến nay .

Theo ông XH vận động từ trạng thái XH này đến 1 trạng thái khác luân luân có 1 sự khủng hoảng .

Con ng-ời có thể quản lý tốt nhất XH của mình trong giai đoạn thực chứng (các nhà khoa học).Cơ chế của sự vận động này là đi lên .Trong quá trình đó có kế thừa tích lũy .Giai đoạn tr- ớc là tiền đề của giai đoạn sau.

Sau này ông cho rằng , sự vận động Xh tinh thần có tr- ớc rồi mới phản ánh sự vận động của XH hiện thực .Vì thế ông bị phê phán là duy tâm (Vì vậy cho ý thức có tr- ớc)

Mặc dù có những hạn chế nhất định về t- t- ởng nh- ng ông đã có những cống hiến to lớn cho việc đặt nền móng cho XHH.Do đó ông đ- ợc coi là cha đẻ của XHH.

Câu 6 : Nêu những đóng góp của Karl Marx (1818 – 1883) đối với sự ra đời và phát triển của XHH nói chung và XHH Mác xít nói riêng.

“ Các nhà triết học cho tới nay mới chỉ giải thích TG.Vấn đề là biến đổi TG”

*** Tiểu sử:**

Karl Marx, là nhà kinh tế học đức, nhà lý luận vĩ đại của phong trào công nhân thế giới và là ng- ời sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học .

*** Tác phẩm :**

- Bộ t- bản luận
- bản thảo kinh tế triết học
- Sự khốn cùng của triết học
- Tuyên ngôn của đảng cộng sản
- Gia đình thần thánh ...

Những tác phẩm này chứa đựng rất nhiều ,t- t- ởng quan điểm về XHH.

Ông ch- a bao giờ nghĩ và ch- a bao giờ nhận mình là nhà XHH.Ông cũng ch- a bao giờ viết về một đề tài nào thuộc lĩnh vực XHH.Nh- ng ông đ- ợc coi là 1 trong những nhà sáng lập XHH vì ông đã khai phá và đóng góp rất nhiều kiến thức về chính trị học .XHH , kinh tế học

Ông đ- ợc giới XHH tôn vinh là nhà sáng lập vĩ đại của mọi thời đại XHH.

Các nhà XHH Macxit coi Karl Marx là ng- ời sáng lập ra XHH.Đối với các nhà XHH Châu âu thì Karl Marx đ- ợc coi là đại diện tiêu biểu nhất cho tr- ởng phái XHH xuất phát từ lịch sử ,từ vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp .

*** Đóng góp cụ thể :**

+ Chủ nghĩa duy vật lịch sử đ- ợc coi là lý luận và ph- ơng pháp luận trong nghiên cứu XHH.đặc biệt là trong nghiên cứu XHH Macxit Chủ nghĩa duy vật lịch sử là sự vận dụng chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng vào nghiên cứu lịch sử XH. Đó là Chủ nghĩa duy vật lịch s- của Mac

- Về mặt lý luận, Chủ nghĩa duy vật lịch s- xem xét XH nh- là 1 chỉnh thể gồm nhiều bộ phận cấu thành. Các bộ phận đó không chỉ tác động qua lại lẫn nhau mà còn mâu thuẫn đối kháng nhau. Theo Marx, sự mâu thuẫn đối kháng nhau giữa các bộ phận của xã hội chính là động lực để phát triển XH.

- Chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mac chỉ ra quy luật vận động khách quan của XH. Ông nói “ Tôi coi sự vận động XH là một quá trình lịch sử tự nhiên ” .

Vận động phát triển của XH là sự thay đổi kế tiếp nhau của 5 hình thái KTXH t- ơng ứng với 5 chế độ XH .5 thời đại lịch sử .Mac chỉ ra căn cứ,cụ thể ,gốc rễ căn nguyên của sự biến đổi

Mac còn chỉ ra cơ cấu tổng thể của 1 XH gồm 2 thành tố cơ bản : Kiến trúc th- ơng tầng và hạ tầng cơ sở .Hai thành tố này có quan hệ khăng khít biện chứng với nhau

+ Về pp luận :

- Chủ nghĩa duy vật lịch sử cung cấp cách tiếp cận duy vật khi nghiên cứu về XH. Marx cho rằng tồn tại XH là cái có tr- ớc .ý thức XH là cái có sau. Tồn tại XH quyết định ý thức XH.

- Khi nghiên cứu về XH nên bắt đầu xuất phát từ hành động thực tiễn của con ng- ời chứ không bắt đầu từ ý niệm tuyệt đối. Mac cho rằng sự vận động biến đổi của XH là do ph- ơng thức sản xuất của Xh quyết định. Ph- ơng thức sản xuất Xh thay đổi sẽ kéo theo sự vận động biến đổi .

Do đó khi nghiên cứu về XH chúng ta phải xuất phát từ yếu tố gốc độ kinh tế. Đặt các vấn đề XH trong mối quan hệ với KT mới có thể chỉ ra đ- ợc nguyên nhân sâu xa và bản chất của hiện t- ợng XH và mới đ- a ra đ- ợc giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề của XH .

- PP luận của Mac đã trở thành kim chỉ nam cho nghiên cứu XHH.

+ Quan niệm về con ng- ời và XHH của Mac.

Quan hệ t- ơng tác giữa con ng- ời với con ng- ời và Xh là đối t- ợng của XHH. Theo Mac con ng- ời là một thực thể sinh học – Xh. Con ng- ời vừa mang bản chất tự nhiên vừa mang bản chất XH. Bản chất đích thực của con ng- ời là tổng hoà của các mối quan hệ XH. (bản chất con ng- ời nằm trong các mối quan hệ XH chứ không nằm trong cơ thể sinh học của con ng- ời)

Đó là quá trình XH hoá cá nhân.

+ Về bản chất của XH ông cho rằng XH chẳng qua chỉ là sự tác động qua lại giữa ng- ời với ng- ời mà thôi. XH là Xh của con ng- ời .

+ Quan điểm về vấn đề bất bình đẳng và phân tầng XH của Mac.

Trong mọi Xh có phân chia giai cấp đều có dấu hiệu của bất bình đẳng Xh và phân tầng XH. Gốc gác cơ bản của nó là sự khác biệt sự đối lập giữa các tập đoàn ng- ời trong quan hệ sở hữu đối với t- ư liệu sản xuất. Sự đối lập khác biệt về lợi ích kinh tế dẫn tới sự đối lập về quyền lực chính trị-XH và tinh thần giữa các tập đoàn ng- ời. Sự bất bình đẳng xuất hiện dẫn đến phân tầng XH.

Đó là những luận điểm gốc căn bản nhất Mac đã cung cấp để nghiên cứu lý giải XH, mọi hiện t- ợng BB đẳng Xh và phân tầng Xh

+ Về PP nghiên cứu: Khác với Auguste Comte Mac không tuyên bố rõ ràng PP gì phải vận dụng để nghiên cứu XHH.

Các nhà XHH thông qua các PP mà Mac sử dụng nghiên cứu về XH nói chung thì vô hình chung ông đã cung cấp bổ sung vào hệ thống các pp nghiên cứu thực chứng của XHH.

Một số PP cụ thể nh- PP quan sát, PP phỏng vấn, pp tr- ng cầu ý kiến qua th- và pp phân tích tài liệu

Kết luận : Chủ nghĩa Duy vật lịch sử của K.Marx là XHH đại c- ơng macxit. Các quan điểm của K.Marx tạo thành bộ khung lý luận và pp luận nghiên cứu XHH theo nhiều h- ướng khác nhau. Đó là một hệ thống lý luận XHH hoàn chỉnh cho phép vận dụng để nghiên cứu bất kỳ XH nào. Điều quan trọng nhất là, làm theo Marx, các nhà XHH không những giải thích TG mà còn góp phần vào công cuộc cải tạo, đổi mới XH để XD một XH công bằng, văn minh. Ông xứng đáng đ- ợc tôn vinh là nhà XHH vĩ đại của mọi thời đại

Câu 7: Nêu những đóng góp của E.Durkheim (1858 – 1817) đối với sự phát triển của XHH.

“ Khi giải thích hiện t- ợng xh ta cần phân biệt nguyên nhân gây ra hiện t- ợng đó và chức năng mà hiện t- ợng đó thực hiện”

a. Tiểu sử:

Ông là một nhà xhh ng- ời pháp nổi tiếng, sinh năm 1858 trong một gia đình do thái, mất năm 1917. ông là ng- ời đặt nền móng xây dựng chủ nghĩa chức năng .

Ông là nhà giáo dục học, triết học, một nhà kinh tế học và là một nhà xhh.

Ông còn đ- ợc coi là nhà sáng lập xhh Pháp vì ông đã có công lớn đ- a xhh trở thành một lĩnh vực khoa học, một ngành nghiên cứu về giáo dục ở Pháp nên đ- ợc coi là cha đẻ của xhh Pháp. Bối cảnh kinh tế xh Pháp ở cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19 ảnh h- ưởng lớn đến sâu sắc đến quan điểm t- ư tưởng của ông về xhh.Nhiều học giả trên thế giới thừa nhận .xhh này sinh ra trong bối cảnh đầy biến động của kinh tế – xh Pháp cuối TK 18 đầu TK 19. Chính Durkheim đã gọi xh Pháp thời kỳ này là một xh vô tổ chức, một chính phủ vô đạo đức. Ông cho rằng cần phải có một khoa học nghiên cứu

các hiện tượng trong XH. Giải pháp xh của ông đã được thừa nhận như vậy. Ông đã đặt ra nhiệm vụ cho xh là phải nghiên cứu thực tại hiện tại xh để có giải pháp tổ chức lại trật tự xh.

Về mặt triết học và khoa học, ông chịu ảnh hưởng bởi chủ nghĩa thực chứng của A. Comte và nguyên lý tiến hóa xh của Spencer.

b. Tác phẩm :

- Tự tử
- Sự phân công lao động trong Xh.
- Các quy tắc của pháp xh.
- Các hình thức sơ đẳng của tôn giáo.

c. Đóng góp :

+ Quan niệm về xh và đối tượng nghiên cứu của nó.

Ông coi xh là khoa học về các "sự kiện xh". Ông chỉ ra đối tượng của xh là các sự kiện xh.

Sự kiện xh là tất cả những cái tồn tại bên ngoài cá nhân nhưng có khả năng chi phối, điều khiển hành vi của cá nhân. Ông phân biệt 2 loại :

Sự kiện Xh vật chất và sự kiện xh phi vật chất.

Sự kiện xh vật chất là những quan hệ mà chúng ta có thể quan sát được, đo lường được thì gọi là sự kiện xh vật chất (cá nhân, nhóm Xh, tổ chức Xh, cộng đồng XH ...)

Sự kiện xh không thể quan sát được hay khó quan sát, phải dùng đến trí tưởng tượng để hình dung ra thì gọi là sự kiện xh phi vật chất. (Quan niệm xh, giá trị chuẩn mực xh, lý tưởng niềm tin xh, tình cảm xh..)

Từ quan niệm như vậy về sự kiện xh ông nêu ra 3 đặc điểm :

* Tính khách quan: Tồn tại bên ngoài các cá nhân. Nhiều sự kiện xh đã tồn tại trước khi các cá nhân xuất hiện. Nó mang tính khách quan.

* Tính phổ quát: Là cái chung cho nhiều người (Giá trị hiểu thảo là cái phổ biến đối với nhiều người) ở đâu có con người, có sự XH hóa cá nhân thì ở đó có sự kiện xh

* Sự kiện xh có sức mạnh kiểm soát, điều chỉnh và gây áp lực đối với cá nhân. Dù muốn hay không, các cá nhân vẫn phải tuân theo các sự kiện xh.

Theo ông xh chính là sự nghiên cứu các sự kiện xh.

+ Phương pháp nghiên cứu xh.

Ông cho rằng xh phải vận dụng phương pháp thực chứng để nghiên cứu. Để sử dụng hiệu quả phương pháp này nghiên cứu xh, ông đã chỉ ra một số quy tắc cơ bản:

- Quy tắc khách quan: Đòi hỏi nhà xh phải xem các sự kiện xh như một sự vật tồn tại khách quan bên ngoài cá nhân con người và nó có thể quan sát được. Nó đòi hỏi phải loại bỏ yếu tố chủ quan, ấn tượng chủ quan về các hình tượng XH trong quá trình nghiên cứu.

- Quy tắc ngang cấp: Ông kịch liệt phản đối cách tâm lý và cách kinh tế trong khi nghiên cứu xh. Mà phải lấy các sự kiện xh để giải thích xh. Lấy nguyên nhân xh để giải thích hiện tượng xh. Lấy hiện tượng này giải thích hiện tượng khác (hiện tượng tử tử, hiện tượng nghèo đói ..)

- Quy tắc phân loại : Yêu cầu nhà xh khi nghiên cứu hiện tượng xh cần phải phân biệt được đâu là cái bình thường phổ biến, chuẩn mực và đâu là cái khác biệt, dị thường.

Mục đích phân loại là để nhận diện. Dùng cái bất thường - dị biệt để hiểu cái bình thường. Dùng cái lệch chuẩn để hiểu cái chuẩn mực. Nhà xh phải đối xử với chúng ngang nhau vì đó đều là sự kiện xh.

- Quy tắc phân tích - tổng hợp: Theo ông các hiện tượng, sự kiện xh luôn tồn tại trong mối quan hệ, tác động qua lại với các sự kiện, hiện tượng xh khác. Do đó khi nghiên cứu một hiện tượng sự kiện xh cụ thể nào đó nhà xh phải thiết lập được mối quan hệ nhân quả giữa sự kiện xh đó với sự kiện xh khác.

Nghèo đói <-> Học vấn

<-> phong tục, tập quán

<-> k/nghiệm, kĩ năng sx

+ Khái niệm đoàn kết xh: 2 khái niệm quan trọng: sự kiện xh và đoàn kết xh.

Đoàn kết xh: là sự gắn bó, liên kết giữa các cá nhân các nhóm, các cộng đồng xh với nhau. Ông cho rằng nếu thiếu đoàn kết xh thì xh sẽ ko tồn tại với t- cách là một chỉnh thể

Có hai loại đoàn kết xh : Đoàn kết Cơ học và Đoàn kết hữu cơ.

* ĐK cơ học

ĐK tôn giáo, cấu kết làng xã...là một loại ĐK xh dựa trên sự giống nhau sự thuần nhất của các cá nhân về một hệ các giá trị chuẩn mực. Những phong tục tập quán hay một niềm tin vào đó (VD: hiện nay có > 1,3 tỷ tín đồ hồi giáo rải rác khắp nơi trên thế giới nh- ng rất gắn kết).

* ĐK hữu cơ :

Là loại ĐK xh dựa trên sự khác biệt về vị trí chức năng của các cá nhân trong xh. Sự phân công lao động xh là nhân tố cơ bản tạo nên ĐKHC trong Xh. Khi phân công cụ thể rõ ràng thì mỗi cá nhân, nhóm tổ chức có những chức năng của mình buộc phải bổ trợ cho nhau ở cả cộng đồng .

Đây là loại ĐKxh phổ biến trong xh truyền thống còn ĐK hữu cơ là ĐKXH phổ biến trong xh hiện đại

Kết luận :

XHH của E.Durkheim phản ánh rõ các ý t- ởng của H.Spencer về “ cơ thể xã hội” , tiến hoá xã hội, chức năng xã hội. XHH E.Durkheim chủ yếu xoay quanh vấn đề mối quan hệ giữa con ng- ời và xã hội. XHH cần phải xác định đối t- ợng nghiên cứu một cách khoa học. Phải coi xã hội, cơ cấu Xh, thiết chế XH, đạo đức, truyền thống, phong tục, tập quán, ý thức tập thể ...nh- là các sự kiện Xh, các sự vật, các bằng chứng xã hội có thể quan sát đ- ợc. Cần áp dụng các pp nghiên cứu khoa học nh- quan sát, so sánh, thực nghiệm ...để nghiên cứu, phát hiện ra các quy luật của các sự vật, sự kiện Xh. *Khi giải thích hiện t- ợng XH ta cần phân biệt nguyên nhân gây ra hiện t- ợng đó và chức năng mà hiện t- ợng đó thực hiện* - Đó là t- t- ởng XHH của ông.

Câu 8: Nêu những đóng góp của Herbert Spencer (1820 – 1903) đối với sự phát triển của XHH.

a. Tiểu sử : Ông là ng- ời Anh sinh năm 1820 mất năm 1903. Ông đ- ợc biết đến nh- một nhà triết học, nhà xhh nổi tiếng. Ông đ- ợc coi là gắn liền với xhh anh

Ông ch- a hề qua đào tạo một tr- ờng lớp chính quy nào, nh- ng lại có kiến thức uyên bác cả về khoa học tự nhiên và khoa học xh .Toàn bộ tri thức hiểu biết của ông có đ- ợc là do ông tự học với sự giúp đỡ của ng- ời thân trong gia đình, nhất là ng- ời cha của ông .

Quan điểm t- t- ởng xhh của ông chịu ảnh h- ởng rất sâu sắc bởi cảnh kinh tế xh anh cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19.Thực tế thời điểm đó ở anh CNTB phát triển tới đỉnh cao. Xh anh rất phồn thịnh. Ngoài ra về lý luận ông chịu ảnh h- ởng lớn chủ nghĩa thực chứng của A.Comte và học thuyết tiến hoá giống loài của C.Đacuyn.

b. Tác phẩm :

- Tĩnh học Xh.
- Nghiên cứu xhh.
- Các nguyên lý xhh.
- Xhh miêu tả .

c. Đóng góp :

+ Quan niệm về Xh: Ông cho rằng Xh là cơ thể sống có cấu trúc sinh vật vận động biến đổi và phát triển theo quy luật. Ông gọi Xh là 1 cơ thể siêu hữu cơ (*super-organic bodies*).

Ông khẳng định: XHH giống nh- một khoa học sinh vật học, chuyên nghiên cứu về cơ thể xh hữu cơ đặc biệt này. Từ đó ông cho rằng xhh có thể vận dụng các nguyên lý, các quan điểm và pp nghiên cứu sinh vật học vào việc nghiên cứu các cơ thể xh siêu hữu cơ ấy.

Ông là ng- ời thứ hai cho xhh là khoa học giống với khoa học tự nhiên.

+ Cách giải thích : sự vận động phát triển xh theo nguyên lý tiến hoá xh .

- Ông cho rằng cơ thể xh phát triển theo nguyên lý tiến hoá nên ông đã vận dụng thuyết tiến hoá của C.Đacuyn để giải thích. Theo ông, xh loài ng- ời phát triển theo quy luật tiến hoá từ xh đơn giản, quy mô nhỏ tiến dần từ chuyên môn hoá thấp liên kết lỏng lẻo đến cái xh có quy mô lớn, cấu trúc phức tạp, chuyên môn hoá cao và liên kết bền vững .

- Ông còn khẳng định trong quá trình tiến hoá .xh loài ng- ời cũng phải tuân thủ theo một số quy luật nh- đấu tranh sinh tồn, chọn lọc tự nhiên và thích nghi, cá nhân, t/c nào thích nghi đ- ợc với môi tr- ờng chung quanh nó thì nó tồn tại, còn ng- ợc lại sẽ bị tiêu vong đào thải .

+ Cách phân loại xh: căn cứ vào đặc điểm của xh trong quá trình tiến hoá. Ông chia xh thành 2 loại: Xh quân sự và xh công nghiệp.

- XH quân sự là xh có cơ chế tính chất và quản lý độc đoán chuyên quyền, tập trung quyền lực. Các quan hệ xh diễn ra chủ yếu theo chiều dọc mang tính mệnh lệnh, phục tùng từ trên xuống, áp đặt theo chiều dọc. Hoạt động của các cá nhân, tổ chức trong xh chịu sự kiểm soát chặt chẽ của chính quyền TW.

- Theo ông XH quân sự là trạng thái Xh điển hình trong thời kỳ Xh có chiến tranh. Có đấu tranh phe phái tranh giành quyền lực chính trị .

- Trong Xh công nghiệp nó lại đ- ợc tổ chức và quản lý theo cơ chế phi tập trung, chia sẻ quyền lực. NN và chính quyền TW không thu tóm quyền lực. Quan hệ XH diễn ra đa chiều cả chiều dọc lẫn chiều ngang. Sự kiểm soát của TW đối với cá nhân, tổ chức trong Xh ko quá chặt chẽ. Nó mở ra nhiều cơ hội cho cá nhân, tổ chức phát huy năng lực và sở tr- ờng của mình .

Trạng thái XHCN rất điển hình trong thời kỳ cả XH tập trung cho mục tiêu sản xuất hàng hoá, cung cấp dịch vụ, phát triển xh.

+ Quan niệm về thiết chế XH: Ông coi thiết chế XH là một kiểu tổ chức XH là khuôn mẫu XH, ra đời và vận hành là để áp ứng những nhu cầu xh căn bản của con ng- ời. Để duy trì sự tồn tại XH, cần đáp ứng 5 nhu cầu căn bản:

- Nhu cầu về vật chất .
- Nhu cầu ổn định trật tự chung.
- Nhu cầu l- u truyền huyết thống .
- Nhu cầu duy trì niềm tin của con ng- ời
- Nhu cầu duy trì các khuôn mẫu của xh.

T- ơng ứng với 5 nhu cầu này là 5 thiết chế XH căn bản .Đó là

- Thiết chế kinh tế,
- Thiết chế chính trị .
- Thiết chế hôn nhân và gia đình
- Thiết chế tôn giáo
- Thiết chế nghi lễ

Cho đến ngày nay quan điểm của ông vẫn còn nguyên giá trị. Nó cũng tuân thủ theo quy luật thích nghi thiết chế nào giúp cho xh tồn tại và phát triển thì nó đ- ợc duy trì và củng cố, ng- ợc lại sẽ bị tiêu vong.

+ PP nghiên cứu XHH.

Ông cũng cho rằng XHH phải vận dụng pp thực chứng để nghiên cứu xh. ông là ng- ời kế cận tiếp b- ớc A.Comte Nh- ng khác với A.Comte, H.Spencer cho rằng khi vận dụng pp thực chứng để nghiên cứu xh thì xhh gặp rất nhiều khó khăn và ông đã chỉ ra những khó khăn đó của xhh, vừa có khó khăn mang tính khách quan vừa có khó khăn mang tính chủ quan.

- Khó khăn mang tính chủ quan là: Kết quả nghiên cứu XHH rất dễ bị chi phối bởi lăng kính chủ quan của nhà nghiên cứu. Cụ thể là thiên kiến, định kiến về tôn giáo, chính trị, đạo đức của nhà nghiên cứu rất dễ ảnh h- ưởng tới kết quả, chi phối kết quả của quá trình nghiên cứu.

- Khó khăn mang tính khách quan là: Nhà nghiên cứu rất khó quan sát và đo lường được trạng thái, cảm xúc của đối tượng nghiên cứu.

Vì vậy ông đã đưa ra 1 số giải pháp cơ bản để khắc phục những khó khăn trong nghiên cứu xh: Đòi hỏi nhà nghiên cứu XHH phải tuân thủ nghiêm ngặt một số quy tắc, thủ tục trong nghiên cứu xh. Quy tắc quan trọng nhất là quy tắc khách quan. Toàn bộ quy tắc đã được trình bày cụ thể trong các tác phẩm của ông.

Kết luận:

Tổng xuyên suốt trong XHH của H.Spencer đó là: XH nh- là cơ thể sống, với nguyên lý cơ bản là tiến hoá XH. Mặc dù XHH H.Spencer không tinh vi theo tiêu chuẩn khoa học thế kỷ XX nh- ng những đóng góp của ông đã để lại nhiều ý tưởng quan trọng và có những ảnh hưởng sâu sắc được tiếp tục phát triển trong các trường phái, lý thuyết XHH hiện đại. Bóng dáng XHH Spencer còn in đậm nét trong cách tiếp cận hệ thống, lý thuyết tổ chức XH, lý thuyết phân tầng XH và các nghiên cứu XHH về chính trị, về tôn giáo và về thiết chế XH.

Câu 9: Nêu những đóng góp của Max Weber (1864– 1920) đối với sự phát triển của XHH.

a. Tiểu sử:

Ông là nhà kinh tế học, là một nhà xã hội- ời đức. ông sinh ra trong một gia đình theo đạo tin lành. Ông được tôn vinh là cha đẻ của xh lý giải. Bản thân ông có thời kỳ là mục sư- truyền giảng giáo lý ở một số vùng nước đức.

- Vào đầu thế kỷ 20 ở đức diễn ra cuộc tranh luận gay gắt trên lĩnh vực Xh: XHH có phải là khoa học đích thực so với khoa học tự nhiên không. (M.Weber đã tham gia vào diễn đàn này). Nhiều học giả coi xh là khoa học mà cho khoa học tự nhiên mới là khoa học đích thực

b. Tác phẩm:

- Cuốn “ đạo đức tin lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản” . (Tác phẩm này được coi là cuốn sách gối đầu giường của các nhà xh phương tây)
- Kinh tế học xã hội (Tác phẩm này được coi là bách khoa thư về xh)
- Xh tôn giáo. (Tác phẩm này chuyên biệt về lĩnh vực tôn giáo)
- Tôn giáo Trung quốc.
- Tôn giáo ấn độ.

Ông đã đưa ra cách giải thích rất độc đáo về sự xuất hiện ra đời của CNTB ở Châu Âu.

c. Đóng góp :

Quan niệm của ông về Xh và đối tượng nghiên cứu của xh.

- Ông gọi xh là khoa học về hành động xã của con người, khoa học lý giải động cơ, mục đích ý nghĩa và các yếu tố ảnh hưởng đến hành động xã của con người .

- Ông quan niệm phải đi sâu giải nghĩa cái bên trong hành động xã của con người, bên trong con người.

- Ông đã chỉ ra đối tượng của xh chính là hành động xã của con người

- Ông đã xây dựng nên học thuyết về hành động xã

- Đ/n: “ hành động xã là hành động của chủ thể gắn cho một ý nghĩa chủ quan nào đó, Cái ý nghĩa chủ quan đó nó có tính đến hành vi của người khác trong quá khứ hiện tại và tương lai do đó nó là hành động định hướng vào người khác trong trường lối và quá trình hành động”

Theo ông một hành động gọi là hành động xã phải là hành động có ý thức có mục đích định hướng vào người khác.

Không phải hành động nào của con người cũng đều là hành động xã. Căn cứ vào động cơ mục đích của con người, ông chia hành động của con người thành 4 loại:

+ Hành động duy lý công cụ: là loại hành động mà cá nhân phải lựa chọn kỹ lưỡng để đạt mục tiêu VD: hoạt động kinh tế, chính trị, quân sự, hoạt động cơ quan, công sở là hoạt động duy lý công cụ. Trong kinh doanh, người kinh doanh phải tính toán kỹ nên kinh doanh cái gì để có lợi nhuận cao nhất.

+ Hành động duy lý giá trị: Là hành động của cá nhân con người hướng tới các giá trị xã hội. Trong đời sống thông qua tương tác xã hội, từ đời sống này sang đời khác đã hình thành nên một hệ thống giá trị xã hội của con người. VD: sự giàu có, sức khỏe, thành đạt trong cuộc sống, hạnh phúc, sự thủy chung, Sự hiếu thảo với cha mẹ ông bà.

Khi cá nhân hành động để hướng tới giá trị xã hội thì được gọi là duy lý giá trị (định hướng theo giá trị xã hội).

+ Hành động duy lý truyền thống: Là hành động cá nhân thực hiện theo phong tục tập quán, truyền thống văn hóa được gọi là duy lý truyền thống. Khi những người trước làm đã được chấp nhận thì những người theo sau làm theo. VD: Tục lệ ma chay, cưới hỏi là những thủ tục phong tục tập quán (đã lặp đi lặp lại như một thói quen truyền đến đời sau).

+ Hành động duy cảm: Hành động của con người thực hiện theo cảm xúc nhất thời, VD: sự tự hào, sự yêu thương, sự căm giận, sự buồn vui...

Nhưng không phải tất cả mọi hành động của con người theo cảm xúc đều là hành động duy cảm mà chỉ có những hành động mà các cảm xúc đó có liên quan đến người khác, định hướng đến người khác mới được coi là hành động duy cảm.

Tiêu chí phân loại: là động cơ hành động.

- Liên hệ bản thân:

...

Theo Weber, khi nghiên cứu xã hội phải lý giải động cơ của hành động xã hội chứ không chỉ miêu tả bên ngoài hành động.

Hành động xã hội với động cơ gì, nhà xã hội phải chỉ ra được.

Mỗi chủ thể hành động theo một động cơ khác nhau nhà xã hội phải quan sát hành vi để lý giải hành động.

* Phương pháp nghiên cứu:

M.Weber cho rằng khoa học xã hội nói chung và xã hội nói riêng phải vận dụng phương pháp lý giải để nghiên cứu về xã hội và hành động xã hội của con người.

- Về bản chất, ông cho rằng phương pháp này rất gần gũi với phương pháp khoa học tự nhiên, nhưng ở khoa học tự nhiên, nhà nghiên cứu chỉ dừng lại ở việc quan sát hiện tượng rồi mô tả những gì đã quan sát được, nếu lặp đi lặp lại nhiều lần thì rút ra quy luật.

Còn KHXH, nhà nghiên cứu phải vượt qua phạm vi, giới hạn của sự quan sát, mô tả để đi sâu lý giải cái bản chất bên trong, cái đặc trưng, ý nghĩa bên trong mỗi hành động xã hội.

Ông cho rằng, hành động bao giờ cũng phản ánh bản chất nên phương pháp nghiên cứu của KHXH khác với KHTN, KHXH cũng phải vận dụng PP thực chứng.

Ông phân biệt 2 loại hình lý giải là: Trực tiếp và gián tiếp.

Lý giải trực tiếp là thông qua mô tả bên ngoài những gì quan sát được.

Lý giải gián tiếp Là thông qua sự giải thích, giải nghĩa cái bản chất bên trong của các hiện tượng xã hội, (đặc trưng bên trong). Để thực hiện phương pháp lý giải gián tiếp, nhà nghiên cứu phải thông cảm, phải thấu hiểu hoàn cảnh.

VD: ông đã nghiên cứu hành động bỏ cử: Ông cho đây là hành động XH.

Quan sát và lý giải trực tiếp:

- Bỏ cử ở đâu, bỏ nhiều hay ít?

Lý giải gián tiếp:

- Nguyên nhân vì sao?

- Mục đích: để làm gì? (để đun nấu, lấy tiền công, giải trí, hay để giúp đỡ người khác, lấy lòng người khác...)

Về bản chất, phương pháp lý giải vẫn là phương pháp thực chứng.

* Quan niệm về phân tầng XH.

Ông là ng- ời nghiên cứu xh t- bản sau K.Marx khoảng 50 năm (1/2 thế kỷ) Ông cũng đồng ý với K.Marx rằng kinh tế là nguyên nhân cơ bản biến đổi xh, kinh tế là nhân tố quan trọng dùng để giải thích các hệ thống phân tầng xh.

Bên cạnh yếu tố kinh tế, còn có các yếu tố phi kinh tế nh- : uy tín, quyền lực tôn giáo, chủng tộc, nó cũng có ảnh h- ưởng tới các hệ thống phân tầng xh.

Từ luận điểm này, ông đã đề xuất 3 yếu tố cơ bản làm cơ sở cho sự phân tầng xh .

+ Cửa cải, tài sản (địa vị kinh tế của các cá nhân)

+ Uy tín (địa vị XH của các cá nhân)

+ Quyền lực (địa vị chính trị của các cá nhân)

Các cá nhân có uy tín, quyền lực, tài sản của cải khác nhau sẽ phân tầng thành các nhóm XH khác nhau (Những quan điểm trên đây của ông chủ yếu là do nghiên cứu xh TB Đức đầu TK 20).

Vậy quan điểm đó của ông có đối lập với K.Marx không? Marx nói : Quan hệ sở hữu về t- liệu sản xuất là cơ sở để phân chia giai cấp trong xh. Ai nắm quyền sở hữu về t- liệu sản xuất thì sẽ nắm quyền chi phối xh về mọi mặt (Từ quyền lực, uy tín lẫn tài sản của cải)

Vì vậy, xét cho cùng thì quan điểm của M.Weber chính là sự cụ thể hoá quan điểm của K.Marx mà không hề khác biệt hay đối lập về sự lý giải hệ thống phân tầng xh ở một xh cụ thể là xh t- bản đức đầu thế kỷ 20 .

* Giải thích sự ra đời của CNTB:

- Ông đã giải thích sự ra đời của CNTB trong tác phẩm: “ *Đạo đức tin lành và tinh thần của CNTB*” . Ông cho rằng mọi xh có quan hệ hàng hoá thì đều có cơ hội phát triển thành XHTB.

Ông cho rằng mọi XH có quan hệ hàng hoá thì đều có cơ hội phát triển thành XHTB.

XH ph- ơng đông từ thế kỷ 16 – 17 quan hệ hàng hoá xuất hiện rất sớm (Con đ- ờng tơ lụa hình thành) nh- ng CNTB đã ko xuất hiện ở đây mà CNTB lại ra đời ở Châu âu (Ph- ơng Tây)

Ông đã lý giải rằng :

- Trung quốc, triết học nho giáo thống trị Xh, chủ tr- ơng quản lý Xh bằng văn ch- ơng. Điều đó đã ko tạo ra tâm lý ham muốn vật chất của con ng- ời. T- t- ờng nho giáo chỉ đề cao Văn ch- ơng, cuộc sống vô thực ko làm cho con ng- ời coi trọng vật chất .

- ề Ên độ Phật giáo thống trị t- t- ờng của toàn xh. Giáo lý nhà phật kêu gọi con ng- ời ta phải diệt dục, phải từ bỏ mọi ham muốn vật chất, coi những cái đó là xấu xa, tội lỗi.

- Trong khi đó ở ph- ơng tây đạo tin lành thống trị xh, nó đã trở thành một thứ đạo đức xh và nó đã chi phối hành động của con ng- ời trong mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xh, kể cả những ng- ời theo tôn giáo hay không theo 1 tôn giáo nào cũng bị chi phối và ảnh h- ưởng bởi đạo giáo này .

- Đạo tin lành trở thành đạo lý của cả xh ph- ơng tây. Theo Weber, sự gặp nhau giữa một bên là tinh thần của chủ nghĩa t- bản là tích lũy, làm giàu, lợi nhuận với một bên là đạo đức xh của đạo tin lành đã thúc đẩy sự ra đời của CNTB ở ph- ơng tây. Đó là cách giải thích quan trọng của ông về nguyên nhân sự ra đời của CNTB. Nhiều nhà XHH Marxit đã phê phán ông là duy tâm vì ông đứng trên góc độ tôn giáo, tinh thần .

Kết luận:

Công lao của Max Weber đối với XHH là ông đã đ- a ra những quan niệm và cách giải quyết độc đáo về lý luận và ph- ơng pháp nghiên cứu khoa học XHH. Đóng góp của ông trong XHH chủ yếu là quan điểm về bản chất lý thuyết Xã hội và ph- ơng pháp luận; là sự phân tích về văn hoá, tôn giáo và sự phát triển của xã hội ph- ơng tây; là sự đánh giá về vai trò của quá trình hợp lý hoá trong luật pháp, chính trị, khoa học, tôn giáo, th- ơng mại đối với sự phát triển XH và mối quan hệ giữa các lĩnh vực kinh tế và phi kinh tế trong các xã hội; là các so sánh về CNTB và các nền KT-XH trên thế giới; Ông đã xây dựng quan điểm lý luận XHH đặc thù của mình trên cơ sở các ý t- ờng của sử học, kinh tế học, triết học, luật học và nghiên cứu lịch sử so

sánh, đặc biệt là lý thuyết XHH về hành động xã hội, phân tầng xã hội. Các lý thuyết, khái niệm XHH của ông ngày nay đang đ- ọc tiếp tục tìm hiểu, vận dụng và phát triển trong XHH hiện đại.

Câu 10 : Trình bày nội dung các b- ớc tiến hành một cuộc điều tra XHH?

I. Giai đoạn chuẩn bị: (gồm nhiều khâu)

1. Xác định đề tài nghiên cứu.

- Phải lựa chọn và xác định xem cái gì cần thiết nghiên cứu chính là xác định đối t- ợng nghiên cứu ,khách thể nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu.
- Giới hạn không gian – thời gian (Khoanh vùng)

2. Xác định mục tiêu nghiên cứu (mục tiêu hoàn toàn khác với mục đích)

- Là sự cụ thể hoá đề tài (nghiên cứu những vấn đề gì?)
- Tìm hiểu thực trạng (đang diễn ra nh- thế nào?)
- Tìm hiểu những nguyên nhân cơ bản (vì sao?).
- Tìm hiểu những hậu quả (đối với cá nhân, xã hội ...)
- Chỉ ra giải pháp , khuyến nghị .
- Kết luận.

3. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu:

- Kết luận giả định sơ bộ ban đầu cho nhà nghiên cứu đặt ra theo đó sẽ thu thập thông tin và kiểm nghiệm nó trong xuất giá trị nghiên cứu.

Có 3 loại giả thuyết.

+ Mô tả

+ giải thích (Nguyên nhân liên quan đến các lĩnh vực)

+ Xu h- ớng (chỉ ra xu h- ớng vận động của vấn đề nghiên cứu là tiếp tục gia tăng hay đi xuống)

4. Xây dựng mô hình lý luận cho đề tài nghiên cứu. Có 4 công việc cụ thể :

a. Xác định cơ sở PP luận .

- + Góc độ tiếp cận vấn đề ngh.cứu:
- + Sự phối hợp của sự tiếp cận liên ngành (nếu có)
- + Xác định lý thuyết Xhh nào sẽ đ- ọc vận dụng để giải thích, ngh.cứu.

b. Xây dựng khung lý thuyết cho đề tài nghiên cứu

(đây là sơ đồ tái tạo lại hiện t- ợng nghiên cứu)

+ Xác định biến số:

- Đối lập
- Phụ thuộc
- T- ơng quan

+ Tái tạo lại mối quan hệ với các biến số bằng một sơ đồ.

c. Định nghĩa khái niệm:

Chỉ rõ toàn bộ nội hàm phản ánh của vấn đề chi phối đề tài.

d. Thao tác hoá khái niệm

Biến những khái niệm trừu tượng, phức tạp thành những khái niệm đơn giản, cụ thể có thể quan sát được theo từng cấp độ (tức là tìm chỉ báo khái niệm)

VD: đề tài “**Bạo lực gia đình**”

+ Nạn nhân:

vợ, chồng, con cái, cha mẹ, hàng xóm ...

+ Hình thức:

Tinh thần, thể xác, tình dục ...

+ Nguyên nhân:

Kinh tế, thất nghiệp, làm ăn thua lỗ, tệ nạn xã hội, trẻ em trong nam khinh nữ, học vấn ...

+ Hậu quả:

Cá nhân, gia đình, cộng đồng ...

5. Lựa chọn PP thu thập thông tin

+ Quan sát,

+ Phỏng vấn

+ Phân tích tài liệu

+ Trưng cầu ý kiến

+ Thực nghiệm XH

6. Xây dựng bảng câu hỏi

Xây dựng bảng câu hỏi là công việc trí tuệ rất vất vả. Chất lượng bảng câu hỏi phụ thuộc rất nhiều vào trình độ tay nghề cũng như kinh nghiệm chuẩn bị trong quá trình tạo dựng chương trình nghiên cứu.

Cơ sở của bảng câu hỏi là các câu hỏi :

- Câu hỏi theo nội dung

- Câu hỏi đóng và câu hỏi mở

7. Chọn mẫu điều tra

Tỷ lệ = 30% tổng thể

8. Lập phương án xử lý thông tin

Dự trù trước kế hoạch: công thức toán học, đếm thủ công, sử dụng máy tính (phần mềm SPSS)

9. Điều tra thử để hoàn thiện giai đoạn chuẩn bị

II. Giai đoạn tiến hành thu thập thông tin cá biệt (vấn đề tổ chức)

1. Lập kế hoạch

- Xác định thời điểm điều tra (phải tránh thiên tai, lũ lụt hay biến cố khác về chính trị, xã hội. Phải tạo cho cộng đồng có tâm lý thoải mái nhất để trả lời vào phiếu)

- Đi tiền trạm

(liên hệ với chính quyền địa phương, địa bàn sẽ đến nghiên cứu, chuẩn bị chỗ ăn, nghỉ...)

- Chuẩn bị kinh phí

- Chuẩn bị tài liệu

(Bảng hỏi, thiết bị ghi âm, ghi hình)

2. Lựa chọn tập huấn điều tra viên

- Số l- ợng

- Chất l- ợng (kinh nghiệm, kỹ năng,

phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, khách quan, chính xác)

- Quy mô

- Giới thiệu cho điều tra viên: Mục đích, ý nghĩa nghiên cứu; đối t- ợng nghiên cứu, cách ghi chép thông tin.

- Tiến hành thu thập thông tin cá biệt: - Quan sát, chuyển thông tin cá biệt thành thông tin tổng thể.

3. Giai đoạn xử lý thông tin và báo cáo kết quả.

- Tập hợp tài liệu -> xử lý thông tin (cho bảng tần số & tần suất)

- Phân tích thông tin: Mô tả, số liệu, giải thích ý nghĩa, phân tích t- ợng quan giữa các số liệu -> đ- a ra nhận định

- Kiểm định giả thuyết nghiên cứu, khẳng định thuyết nào đúng, cái đúng, báo cáo kết quả nghiên cứu, đề xuất giải pháp, khuyến nghị

- XH hoá kết quả nghiên cứu: thông qua ph. tiện truyền thông: báo, đài, tổ chức hội thảo, tổ chức nghiệm thu ...

Cái quan trọng nhất trong điều tra XHH là thông tin.

Câu 11. Thế nào là ph- ơng pháp quan sát trong XHH?

PP Quan sát (*Observation*):

KN: là pp thu thập thông tin thực nghiệm thông qua các tri giác nghe, nhìn để thu nhận thông tin về các quá trình, các hiện t- ợng XH dựa trên cơ sở đề tài và mục tiêu của một cuộc ng/cứu

Nguồn thông tin quan sát là toàn bộ hành vi của ng- ời đ- ợc nghiên cứu. Điểm mạnh của quan sát là t- ự nhiên, đặt đ- ợc ngay ấn t- ợng trực tiếp về sự thể hiện hành vi của con ng- ời, trên cơ sở đó, điều tra viên tiến hành ghi chép hay hình thành các câu trả lời trong bảng hỏi có tr- ớc.

Tuy vậy quan sát cũng có nh- ợc điểm là chỉ có thể sử dụng cho việc nghiên cứu những hiện t- ợng, sự kiện hiện tại chứ không phải trong quá khứ hoặc t- ợng lai. Hơn nữa sử dụng pp quan sát các sự kiện xảy ra trong thời gian dài thì ấn t- ợng đã có từ quan sát lần đầu dễ đánh lừa, che lấp những lần quan sát tiếp theo.

Các loại quan sát:

Quan sát có chuẩn mực: là q/s mà trong đó ng- ời q/s đã sớm xác định đ- ợc những yếu tố nào của khách thể nghiên cứu là có ý nghĩa nhất để tập trung chú ý vào đó.

Quan sát không chuẩn mực (q/s tự do): là loại q/s mà trong đó ng- ời nghiên cứu ch- a xác định đ- ợc tr- ớc các yếu tố của khách thể quan sát liên quan đến việc nghiên cứu cần đ- ợc quan sát.

Câu 12. PP phân tích tài liệu trong XHH là gì? Nêu những - u điểm và nh- ợc điểm của PP này?

Là pp nghiên cứu dựa trên các t- liệu, văn bản, sách báo hay công trình nghiên cứu có liên quan nhằm mục đích phục vụ cho việc nghiên cứu.

Muốn dùng pp này, tr- ớc hết phải dựa vào đề tài, mục tiêu nghiên cứu mà lựa chọn những tài liệu thích hợp

Ưu điểm:

- Giúp chúng ta nghiên cứu những đối t- ợng trong quá khứ hoặc hiện tại nh- ng không có dịp hay cơ hội trực tiếp tiếp xúc đ- ợc.

- ít gặp v- ống mắc hoặc bị phản ứng từ phía đối t- ợng
- Tiết kiệm đ- ợc thời gian, tiền bạc mà vẫn đảm bảo tính chính xác

Nh- ợc điểm:

- Dễ bị ảnh h- ớng bởi quan điểm, t- t- ờng của tác giả (vì số đông đ- ợc viết tự do, không phải phục vụ cho nghiên cứu)
- Có nhiều hạn chế, nhất là khi dùng cá nguồn tài liệu riêng hoặc nằm trong phạm vi bảo mật.

Câu 13. PP phỏng vấn XHH là gì? nêu các loại phỏng vấn chủ yếu? Những - u điểm, nh- ợc điểm của PP phỏng vấn?

Là pp khá phổ biến trong nghiên cứu XHH để thu thập thông tin qua việc hỏi và trả lời các câu hỏi. Đây là một pp quan trọng để thu thập thông tin thực nghiệm, thông qua việc tác động tâm lý-xã hội trực tiếp giữa ng- ời hỏi và ng- ời trả lời trên cơ sở đề tài và mục tiêu của một cuộc nghiên cứu điều tra XHH.

Các loại phỏng vấn chủ yếu:

- Phỏng vấn sâu: Chủ yếu sử dụng câu hỏi mở để thu thập thông tin trên cơ sở đảm bảo sự tự do của ng- ời phỏng vấn sắp xếp và đặt câu hỏi, ng- ời trả lời cũng tự do lựa chọn cách thức trả lời, PP này nhằm để hiểu biết sâu những khía cạnh nào đó của đề tài.

- Phỏng vấn theo bảng hỏi: Th- ờng đ- ợc thực hiện trên một bảng hỏi đã đ- ợc chuẩn bị chu đáo từ tr- ớc.

Ngoài ra, căn cứ vào các tiêu chí khác nhau, ng- ời ta chia ra các loại: phỏng vấn qua tiếp xúc trực tiếp và phỏng vấn qua điện thoại; phỏng vấn cá nhân và phỏng vấn nhóm; phỏng vấn một lần và phỏng vấn nhiều lần.

Ưu điểm:

- Ng- ời phỏng vấn có thể chủ động nêu lại câu hỏi khi thấy cần thiết (nh- thấy đối t- ợng né tránh vấn đề đang hỏi hay ch- a hiểu đúng yêu cầu). Có thể cùng một nội dung nh- ng có câu hỏi khác nhau đối với các đối t- ợng khác nhau. PP này dễ tạo ra tâm lý thoải mái khi nói hơn là phải viết ra giấy nên th- ờng cũng có tỉ lệ trả lời cao hơn cách sử dụng bảng hỏi

- Ng- ời hỏi có thể tế nhị theo dõi, kiểm soát thái độ, cung cách phản ứng của đối t- ợng để xác định độ tin cậy của câu trả lời.

Nh- ợc điểm:

- Đòi hỏi tốn nhiều công sức, ph- ơng tiện: ng- ời theo dõi, ng- ời ghi chép, ghi âm, ng- ời kiểm định, đánh giá tính khách quan, trung thực của cuộc phỏng vấn, thống kê, xử lý kết quả ...

- Phải di chuyển nhiều, phải tiếp xúc với nhiều đối t- ợng, hay gặp phải những khó khăn, bất ngờ không dự kiến tr- ớc đ- ợc

- Đôi khi do sự thúc ép trong những hoàn cảnh không thuận lợi cho ng- ời trả lời nh- : nhân viên tr- ớc mặt thủ tr- ờng, con cái tr- ớc mặt cha mẹ ... nên chất l- ợng câu trả lời bị ảnh h- ớng

- PP này không đảm bảo tính vô danh nên ng- ời trả lời th- ờng e ngại, hay mất tự nhiên.

Câu 14. Nghiên cứu chọn mẫu là gì? Tại sao phải chọn mẫu trong nghiên cứu XHH? Nêu một số cách chọn mẫu?

Là một tập hợp các đối t- ợng nghiên cứu đ- ợc lựa chọn, có đủ các yếu tố có tính chất tiêu biểu và đ- ợc rút ra từ tổng thể, một tập hợp lớn mà nó là đại diện cho nhóm đối t- ợng, thông tin thu đ- ợc từ mẫu nghiên cứu có thể khái quát suy ra cho tổng thể trong nghiên cứu, so sánh, đối chiếu kiểm nghiệm các giả thuyết.

Mục tiêu cơ bản của các cuộc điều tra XHH là để cung cấp các thông tin từ thực tế XH cho việc phát triển lý luận XHH cũng nh- cho công tác quản lý XH. Thông tin thu thập đ- ợc phải có tính đại diện, có giá trị cho cả tổng thể điều tra, thông tin đó phải đảm bảo đ- ợc mức độ chính xác, phản ánh đúng với thực tế khách quan. Do đó, trong nghiên cứu XHH, ng- ời ta cần phải áp dụng pp chọn mẫu.

Một số kĩ năng và pp chọn mẫu:

+ Mẫu ngẫu nhiên đơn giản:

- Xác định khung mẫu tổng thể.
- Lập danh sách tổng thể
- Rút thăm ngẫu nhiên theo danh sách số ng- ời cần chọn cho đến khi đủ số l- ợng mẫu (tỉ lệ tối thiểu là 30% trên tổng thể)

Nghiên cứu từ một tổng thể có N đơn vị, chúng ta chọn ra n đơn vị để nghiên cứu sao cho thông tin thu đ- ợc có thể suy ra thành thông tin của cả tổng thể. Số đơn vị này gọi là kích th- ớc mẫu, còn tập hợp đơn vị này gọi là mẫu ($n < N$).

+ Mẫu ngẫu nhiên hệ thống:

- Xác định khung mẫu
- Lập danh sách
- Xác định khoảng cách k giữa 2 ph. tử cần chọn. $k = N/n$ (tổng thể/mẫu)

Nếu lẻ, chỉ cần lấy phần nguyên, không làm tròn số.

- Chọn mẫu ngẫu nhiên đối t- ợng đầu tiên
- lấy mẫu tiếp theo cách nhau một khoảng cách cho đến khi hết danh sách, đủ số l- ợng

+ Mẫu tỉ lệ

- Xác định khung mẫu (tổng thể)
- Xác định sơ bộ cơ cấu tổng thể theo một số tiêu chí cơ bản: giới tính, độ tuổi, học vấn theo tỉ lệ % t- ợng thích giữa tổng thể và mẫu.

+ Tính toán số l- ợng cho từng thành phần cho mẫu:

n_1 nam giới TW = ...+...+...
 n_2 nam giới tỉnh, thành = ...+...+...
 n_3 nam giới Q, huyện = ...+...+...
 n_4 nam giới Xã ph- ờng = ...+...+...
 n ...nữ giới

+ Sử dụng cách lựa chọn ngẫu nhiên lấy ra số l- ợng cụ thể cho từng thành phần

Câu 15. Trình bày kỹ thuật lập bảng câu hỏi trong nghiên cứu XHH?

Bảng hỏi là một tập hợp gồm rất nhiều câu hỏi đ- ợc sắp xếp theo một trật tự nhất định trên cơ sở các nguyên tắc tâm lý, logic và theo nội dung nhằm tạo điều kiện cho ng- ời đ- ợc hỏi bộc lộ quan điểm, ý kiến của mình về vấn đề đ- ợc hỏi, giúp nhà nghiên cứu thu đ- ợc thông tin cần thiết cho cuộc điều tra XHH. Bảng hỏi là một công cụ đặc lực cho việc nghiên cứu thực nghiệm cũng nh- trong quá trình nhận thức của nghiên cứu XHH thực nghiệm.

Các b- ớc tiến hành lập bảng hỏi:

1. Phần mở đầu:

- Ghi tên cá nhân, tổ chức đứng ra thực hiện cuộc nghiên cứu
- Ghi tên bảng hỏi
- Phía d- ới tên bảng, ghi mã số hoặc có thể là địa điểm, thời gian thực hiện cuộc nghiên cứu

2. Phần nội dung: Gồm toàn bộ nội dung các câu hỏi phục vụ cho cuộc nghiên cứu. Phải sắp xếp theo trình tự logic nhất định. Các câu hỏi th- ờng đ- ợc sử dụng:

+ Câu hỏi mở: là câu hỏi không có p/án trả lời sẵn, th- ờng có thêm phần lý giải tại sao, ng- ời đ- ọc hỏi trả lời theo suy nghĩ, quan điểm riêng của mình (đây là pp thu thập thông tin định tính).

+ Câu hỏi đóng: là loại câu hỏi đã đ- ọc chuẩn bị sẵn các p/án trả lời. Loại này th- ờng có 2 dạng:

- Lựa chọn (có, không)
- Tuỳ chọn (có thể chọn một hay hơn một ph- ơng án)

+ Câu hỏi kết hợp đóng – mở:

- Có - không
- Nếu có tại sao, nếu không tại sao

+ Câu hỏi ma trận: là sự kết hợp nhiều câu hỏi đóng trong một câu hỏi

3. Phần kết thúc:

Gồm một số câu hỏi thu thập thông tin nhân thân nh- : giới tính, học vấn, tình trạng hôn nhân, nơi c- trú ..và cảm ơn

Góc d- ối cuối cùng bảng hỏi ghi chép các quan sát: nhà ở loại gì, sân, v- ườn, ngoại cảnh ...

* Yêu cầu:

- Bảng hỏi cần phải bám sát đề tài nghiên cứu và phải đem lại một lợi ích nào đó cho việc thu thập thông tin.
- Các câu hỏi phải ở vị trí trung lập với ý kiến thái độ của ng- ời đ- ọc hỏi.
- Câu hỏi phải dễ hiểu, phù hợp với đối t- ượng đ- ọc hỏi, ngôn ngữ phải rõ ràng, cần chú ý ph- ơng ngữ, khẩu ngữ địa ph- ơng.
- Ph- ơng án trả lời không đ- ọc chồng chéo nhau, không ghép máng móc 2 vấn đề, 2 sự kiện trong 1 câu hỏi
- Tuyệt đối không đ- ọc đặt câu hỏi dạng phủ định.

Câu 16: T- ơng tác xã hội là gì? Các loại t- ơng tác Xh ? Mối quan hệ giữa t- ơng tác xã hội và hành động xã hội ?

1. Khái niệm:

T- ơng tác xh: là sự tác động qua lại chi phối phụ thuộc lẫn nhau giữa các chủ thể hành động trong việc thoả mãn vì nhu cầu XH căn bản của con ng- ời (Quá trình thông tin và giao tiếp). Không đơn giản chỉ là hành động và sự phản ứng mà là quá trình t- ơng tác gián tiếp của ít nhất hai chủ thể hành động có sự thích ứng lẫn nhau của các chủ thể. T- ơng tác Xh diễn ra ở cả hai cấp độ vi mô và vĩ mô .

Vi mô: là TT giữa cá nhân với cá nhân (trong gia đình...) giữa cá nhân với một nhóm, 1 tổ chức XH hay với cả cộng đồng, cả Xh.

Vĩ mô: là TT giữa các lĩnh vực của đời sống XH nh- : Ktế-Ch.trị, Ktê-V.hoá, Ch.trị-VHXH.

Sự t- ơng tác thích giữa các thiết chế đó gọi là thiết chế vĩ mô

2. Phân loại:

a. Phân loại dựa vào mối liên hệ XH giữa các chủ thể hành động:

- Sự tiếp xúc không gian
- Sự tiếp xúc tâm lý
- Sự tiếp xúc XH
- Sự t- ơng tác
- Quan hệ XH

b. Phân loại theo các dạng hoạt động chung

- Hoạt động cá nhân cùng nhau

- Hoạt động tiếp nối cùng nhau
- Hoạt động t- ơng hỗ cùng nhau

c. Phân loại theo chủ thể hành động trong t- ơng tác

- T- ơng tác liên cá nhân
- T- ơng tác cá nhân-xã hội
- T- ơng tác nhóm xã hội
- T- ơng tác nhóm-nhóm
- T- ơng tác nhóm-xã hội
- T- ơng tác giữa những cá nhân với t- ơng tác là đại diện các nhóm khác nhau.
- T- ơng tác gián tiếp

d. Phân loại theo mục tiêu, ý nghĩa XH của t- ơng tác.

T- ơng tác giữa các hệ thống xh: Việt nam >< Trung quốc, Nga>< Mĩ .

Diễn ra nhiều hình thức và cấp độ khác nhau .

Nội dung cơ bản của t- ơng tác Xh

- + T- ơng tác cộng tác thích nghi .
- + Cạnh tranh, đối đầu, xung đột

T- ơng tác Xh có quan hệ gắn bó khăng khít với hành động xã hội. Hành động của con ng- ời nếu không đặt trong t- ơng tác thì không đ- ợc gọi là hành động xã hội, do đó t- ơng tác là cơ chế, là điều kiện là con đ- ời để thực hiện hành động xh.

Ng- ợc lại t- ơng tác xh là sự cặp đôi liên tục của hành động xã hội có thể là một lần hoặc lặp lại nhiều lần:

Các lý thuyết :

- + Trao đổi xh.
- + T- ơng tác biểu tr- ng.
- + Kịch.

a. T- ơng tác xh là sự trao đổi giá trị xh của các cá nhân ngang nhau (cho và nhận). Lý thuyết này kêu gọi cá nhân đừng tính toán nhiều .

b. Biểu tr- ng : T- ơng tác xh là qua trình các cá nhân giải nghĩa các biểu t- ơng trong t- ơng tác. Tất cả sự kiện, sinh vật hoạt động cử chỉ ngôn ngữ khi đ- ợc cá nhân gán cho một ý nghĩ nào đó thì nó trở thành biểu tr- ng t- ơng tác .

Ngôn ngữ là biểu tr- ng phổ biến nhất.

Lý thuyết này có hạn chế là không giải nghĩa hết đ- ợc trong mọi bối cảnh, không cùng hệ thống biểu t- ơng (ngôn ngữ)

c. Lý thuyết kịch.

Cho rằng t- ơng tác xã hội là quá trình liên tục các cá nhân mang mặt nạ và tháo bỏ mặt nạ. T- ơng tác xh là t- ơng tác giữa các mặt nạ với nhau .

Cảm xúc mà con ng- ời biểu hiện với nhau trong giao tiếp là cảm xúc giả dối .

Câu 17: Trình bày khái niệm quyền lực, nguồn gốc của quyền lực và các đặc tr- ng của quyền lực trong xã hội .

a. Khái niệm

QL là một phạm trù rất phức tạp, đ- ợc nhiều lĩnh vực khoa học nghiên cứu, nh- ng có thể hiểu: Quyền lực là một khái niệm để chỉ sức mạnh đ- ợc đặt trong một quan hệ cụ thể nào đó. Có thể là sức mạnh của siêu nhiên, tự nhiên hay của con ng- ời trong quan hệ với con ng- ời .

Theo M.Weber: Quyền lực là khả năng áp đặt ý chí của mình (cá nhân, nhóm xã hội) mà bất chấp sự chống cự hay sự phản đối của người khác.

XHH định nghĩa:

+ Quyền lực là khả năng một cá nhân hay một nhóm xã hội áp đặt ý chí của mình làm thay đổi quan điểm, thái độ và hành vi của cá nhân hay nhóm xã hội khác.

b. Nguồn gốc

+ Theo K.Marx: Chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất là cơ sở của sự phân chia quyền lực trong xã hội. Người nắm tư liệu sản xuất chính là người nắm quyền điều chỉnh hành vi và cơ hội của người không có tư liệu sản xuất.

+ Theo M.Weber: Nguồn gốc của quyền lực không chỉ là kinh tế mà còn do những yếu tố phi kinh tế như gia đình, dòng dõi, tôn giáo, uy tín

+ Theo T.Parsons: Quyền lực xã hội nằm ở vị thế của cá nhân trong cơ cấu của xã hội. Xã hội trao cho một số quyền hạn để thực hiện vai trò, vị thế, được phép làm. Xã hội tạo ra quyền lực cho cá nhân.

Tóm lại có rất nhiều nguyên do dẫn tới sự phát sinh và tạo ra quyền lực gồm:

- Dòng dõi xuất thân.
 - Giới tính.
 - Tuổi tác.(Xã hội phân tầng)
 - Cửa tài sản (kinh tế)
 - Học vấn.
 - Sức mạnh (Vũ khí, thế lực)
 - Khả năng thiên bẩm (khả năng quy tụ, tập hợp lôi kéo người khác, thuyết phục người khác, thông thạo tài năng hay lãnh tụ).
 - Pháp lý (Thông qua quyết định tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm cá nhân vào vị trí xã hội nào đó) tạo ra sự thừa nhận của xã hội về mặt pháp lý.
- + Sắc đẹp.

Tự thân các yếu tố không tạo ra quyền lực mà chính là quan niệm của xã hội về các yếu tố đó, xã hội đề cao hay không đề cao nó mà thôi.

c. Các đặc trưng của quyền lực trong xã hội:

+ QLXH là 1 dạng quan hệ xã hội theo chiều dọc, gọi là qhxx bất bình đẳng, ở đó có sự áp đặt ý chí của người này lên hành vi thái độ quan điểm của người khác.

+ Về bản chất QLXH có quan hệ mở rộng hay giới hạn mức độ tự do hành động của chủ thể, khách thể quyền lực. Điều đó làm cho qhxx trở thành một thứ giá trị phổ biến trong xã hội mà nhiều người mong muốn nắm giữ, sở hữu, ham muốn trở thành chủ thể của quan hệ quyền lực.

+ Quyền lực có tính hai mặt:

Mặt thứ nhất: Mang tính áp đặt cưỡng chế từ phía chủ thể đến phía khách thể quyền lực.

Mặt thứ 2: sự chấp thuận, thừa nhận của khách thể đối với ý chí của chủ thể quyền lực, được biểu hiện ở sự tuân thủ, phục tùng.

Nếu thiếu một trong hai, đặc biệt là mặt 2 thì không thể có quyền lực xã hội trong thực tế. Hai mặt này ràng buộc lẫn nhau và có quan hệ biện chứng với nhau.

Giữa “ quyền ” và “ quyền lực ” là hai phạm trù khác nhau.

Quyền phải đi kèm nghĩa vụ thì mới có quyền lực

+ Mọi cá nhân trong xã hội đến tham gia vào các quan hệ quyền lực với những mức độ khác nhau. Trong quan hệ này có thể là chủ thể này lại là khách thể trong quan hệ khác.

Mọi QHQL đều diễn ra trong môi trường cụ thể gọi là trường quyền lực.

Câu 18: Thế nào là thiết chế xh? Nêu những đặc tr- ng cơ bản, chức năng và một số loại thiết chế xã hội cơ bản.

a. Khái niệm: Là một kiểu tổ ch- c xh đặc thù xuất hiện cùng với những nhu cầu xh căn bản của con ng- ời (cái quan sát đ- ợc)

+ Là một hệ thống các giá trị chuẩn mực xh, khuôn mẫu, hành vi xh, quy định, luật lệ, thủ tục. xoay quanh việc thoả mãn những nhu cầu xh căn bản của con ng- ời (cái khó quan sát đ- ợc).

+ Thiết chế Xh không tồn tại lơ lửng mà nó gắn với các tổ chức xã hội. Muốn hiểu thiết chế xh phải phân tích nó trên 2 bình diện: Cơ cấu hình thức và cơ cấu nội dung..

Luật pháp tổ chức căn bản nhất của xh có giai cấp .

b. Đặc tr- ng cơ bản:

- Tính khách quan: Tổ chức xh xuất hiện là do đòi hỏi ,nhu cầu của xh ,thiết chế xh có tính độc lập t- ơng đối với kinh tế xh .

- Tính giai cấp: chỉ xuất hiện trong xh có phân chia giai cấp: Chỉ xuất hiện trong xã hội có phân chia giai cấp.của nhà n- ớc xuất phát từ ý chí của giai cấp thống trị .

- Tính phổ biến: ở đâu có sự tồn tại ở đó có sự xuất hiện của tổ chức xh.

- Tính độc lập t- ơng đối: Mỗi thiết chế có tính chất độc lập t- ơng đối nh- ng giữa các tổ chức thì có sự tác động qua lại lẫn nhau. Sự biến đổi của tổ chức này kéo theo tổ chức khác biến đổi theo .

- Tính ổn định t- ơng đối: Thiết chế xh có biến đổi theo sự biến đổi xh nh- ng nội dung của nó th- ờng biến đổi chậm chạp, trì trệ đôi khi không theo kịp sự biến đổi của đời sống xh.

Câu 19: Thế nào là cơ cấu xh. Nêu các cơ cấu xã hội cơ bản :

a. Khái niệm:

+ Cơ cấu xh là mô hình của các mối quan hệ giữa các thành phần cơ bản trong hệ thống xh những thành phần này tạo bộ khung cho tất cả các xh loài ng- ời.Mặc dù tính chất quan hệ cấu trúc có sự biến đổi .Những thành phần cơ bản của cơ cấu xã hội là vị trí vai trò nhóm, cộng đồng thiết chế

+ Cơ cấu xh là những mối liên hệ vững chắc của các thành tố trong hệ thống xh,các cộng đồng xh(dân tộc,giai cấp,nhóm nghề nghiệp)là những thành tố cơ bản

* Định nghĩa: Cơ cấu xh là kết cấu tổ chức bên trong của một hệ thống xã hội nhất định,trong đó có sự thống nhất bền vững t- ơng đối của các yếu tố,thành phần ,mối liên hệ cơ bản cấu hệ thống xh đó.

* Cơ cấu xh nằm trong bản thân xh tr- ớc hết là một bộ phận nhân tố cấu thành hệ thống xh .

* Cơ cấu xh gồm các bộ phận,thành phần tạo nên cơ cấu xh các thành phần và mối liên hệ của cơ cấu xã hội có ý nghĩa chung là bộ khung cho toàn thể xh loài ng- ời .

* Các quan niệm về cơ cấu xh đều thức nhận sự gắn kết giữa cơ cấu và quan hệ xh.

b. Các yếu tố cơ bản của CCxh

*** Vị thế xh .**

Vị thế xh là khái niệm để chỉ vị trí của mỗi cá nhân trong cơ cấu tổ chức xh.theo sự thẩm định ,đánh giá của những ng- ời khác,của xh.

Vị thế xh vừa do phẩm chất xh cá nhân quy định vừa chịu sự tác động của xh đánh giá của xh đ- ợc xh thừa nhận.

Cá nhân th- ờng có rất nhiều vị thế khác nhau những vị thế đó cho biết cá nhân đó là ai trong thiết chế xh .Vị thế đó chỉ có ý nghĩa đầy đủ khi đặt nó trong quan hệ để so sánh với các vị thế khác trong cơ cấu xh.

Phân loại vị thế xh có hai loại : Vị thế có sẵn và vị thế đạt đ- ợc

Vị thế có sẵn đ-ợc quy định theo những cơ sở điều kiện sẵn có của cá nhân mà cá nhân không kiểm soát đ-ợc lựa chọn hay tạo dựng đ-ợc.

Vị thế đạt đ-ợc là vị thế quy định theo phẩm chất năng lực, trình độ do cá nhân lựa chọn chủ động tích cực hoạt động mà đạt đ-ợc và đạt đ-ợc xh thừa nhận. Sự lựa chọn đó chỉ là t-ơng đối.

* **Vai trò:** Là một tập hợp các chuẩn mực hành vi nghĩa vụ và quyền lợi gắn với một vị thế nhất định. Vai trò là những đòi hỏi của xh đặt ra với các vị thế xh. Những đòi hỏi đ-ợc xác định căn cứ vào các chuẩn mực xh, vì vậy ở các xh khác nhau cùng một vị thế xh nh- ng mô hình hành vi đ-ợc xh mong đợi rất khác nhau. Tức là vai trò cũng khác nhau.

Trên thực tế nhiều vai trò XH có những đòi hỏi khác nhau những đòi hỏi này có thể phối hợp đ-ợc với nhau nh- ng cũng có những đòi hỏi hoàn toàn trái ng-ợc nhau dẫn đến mâu thuẫn và xung đột với nhau.

* **Nhóm Xh** : Là một tập hợp ng-ời liên kết với nhau theo một kiểu nào đó đ-ợc chia sẻ với nhau một hoạt động chung hay những nhu cầu lợi ích và xác định h-ớng giá trị nhất định .

* Phân loại :

+ Nhóm sơ cấp : là nhóm có quy mô nhỏ có quan hệ trực diện với nhau. Có sự cộng tác về mục tiêu chung quan hệ gắn bó về mặt tình cảm

- Từ hai thành viên trở lên hình thành nên nhóm .

+ Nhóm thứ cấp : Là nhóm Xh có quy mô lớn trong đó có thể chứa nhiều nhóm sơ cấp.

- Đặc tr- ng của nhóm thứ cấp :

Gồm nhiều mối quan hệ hơn. Các quan hệ xh này th-ờng đ-ợc định chế hoá theo mục đích của nhóm .

Các quan hệ xh trong nhóm có thể diễn ra trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc có thể duy trì trong một thời gian nhất định.

Các quan hệ Xh trong nhóm th-ờng đ-ợc xác lập trên cơ sở những thoả thuận chung giữa các thành viên trong nhóm

* **Tổ chức xh**

* **Cộng đồng xh:** Là tập hợp ng-ời, trong đó các cá nhân liên hệ với nhau theo những cơ sở điều kiện tồn tại, hoạt động nhất định theo những quan niệm thống nhất về văn hoá, giá trị xã hội

Về cấu trúc, mỗi cộng đồng đều có đặc thù về kết cấu liên hệ giữa các thành viên, chặt chẽ hay lỏng lẻo phụ thuộc vào điều kiện vật chất và ý thức của các thành viên trong cộng đồng.

Phân loại : Đ-ợc phân loại theo nhiều hình thức khác nhau nh- ng đều có một số đặc tr- ng chung sau đây ;

- Phải có dân số

- Có sự chia sẻ yếu tố địa lý

- Tôn giáo có những vật thiêng để thờ

- Có hệ thống vai trò điều hành chung hoạt động d-ới hình thức tự quản

- Có những lý t-ởng chung mà mọi ng-ời cùng trao đổi

- Có chung một kiến thức văn hoá

* **Thiết chế xh**

* **Mạng l-ới xh**

Câu 20. Nêu cấu trúc của hành động XH và phân loại hành động?

a. Khái niệm:

HĐXH là hành động của con ng- ời trong quan hệ với ng- ời khác và với XH. Hiểu một cách cụ thể, HĐXH là hành vi có ý thức của con ng- ời đ- ợc chủ thể gắn cho ý nghĩa chủ quan đã đ- ợc l- ờng tr- ớc về hành động của mình trong t- ơng quan với hành động của ng- ời khác và định h- ớng vào hành động của họ.

Không phải mọi HĐ của con ng- ời đều là HĐXH. Chỉ có những HĐ mà hi thực hiện nó, con ng- ời có sự định h- ớng vào ng- ời khác, không đ- ợc đối chiếu với hệ thống chuẩn mực XH (đúng - sai, đẹp - xấu) và con ng- ời thực hiện nó một cách máy móc, cơ học, bản năng (ăn, uống, ngủ, ngáp...).

b. Đặc tr- ng:

+ Xét về mặt chủ thể của HĐ: HĐXH của con ng- ời mang bản năng sinh học và bản năng xã hội, luôn cùng tồn tại trong mối quan hệ với XH. Đó là các cá nhân, nhóm XH, cộng đồng XH, các tổ chức XH, HĐ lớn nhất là HĐ của toàn XH.

- Trong triết học, HĐXH đ- ợc hiểu là HĐ của một giai cấp, 1 tập đoàn hay HĐ của cả XH mang t/c HĐ cách mạng

- Trong XHH thì HĐXH là HĐ của từng cá nhân

+ HĐXH có ý thức, mục đích rõ ràng. Vì vậy con ng- ời sẽ lựa chọn đích để h- ớng đến

+ HĐXH có sự định h- ớng vào ng- ời khác, có thể là con ng- ời vô hình hay hữu hình. HĐ của con ng- ời định h- ớng vào khách thể vật chất và tinh thần nh- ng không gắn với ng- ời khác thì không gọi là HĐXH. VD: ng- ời đi câu cá, đ- ỉ giải trí, ng- ời đi tránh ch- ớng ngại vật trên đ- ờng, nhà s- ụng kinh...

+ HĐXH đ- ợc đối chiếu với hệ thống chuẩn mực XH, trên cơ sở đó, XH sẽ đánh giá HĐ cá nhân là chuẩn mực hay sai lệch

+ HĐXH bị chi phối bởi hoàn cảnh, bối cảnh XH thực hiện HĐ (thời gian, không gian vật chất và tinh thần của HĐ) cá nhân lựa chọn để HĐ cho phù hợp với mong đợi của XH

c. Cấu trúc

+ Xuất phát từ nhu cầu lợi ích của cá nhân

+ Động cơ, mục đích của HĐ

+ Chủ thể của hành động: là cá nhân, cá nhóm, cộng đồng hay toàn thể XH

+ Công cụ, ph- ơng tiện thực hiện hành động

+ hành vi và kết quả của HĐ

+ Môi tr- ờng và hoàn cảnh của HĐ.

d. Phân loại

HĐ cơ sở của hoạt động sống của cá nhân cũng nh- của toàn Xh. Vì vậy chúng rất phong phú và đa dạng.

Cách 1 của M.Weber:

Phân loại theo động cơ

Ông đã nhấn mạnh động cơ thúc đẩy có trong ý thức của chủ thể là nguyên nhân của hành động, ông nói: “ kkhì chúng ta hiểu đ- ợc động cơ thì chúng ta giải thích đ- ợc hành động”

Ông đã phân tích và đ- a ra 4 loại động cơ khác nhau, t- ơng ứng với 4 loại hành động Xh:

- Hành động duy lý công cụ: là loại hành động mà cá nhân phải lựa chọn kỹ l- ờng để đạt mục tiêu VD: rõ nhất là hoạt động kinh tế, chính trị, quân sự, hoạt động cơ quan, công sở là hoạt động duy lý công cụ. Trong kinh doanh, ng- ời kinh doanh phải tính toán kĩ nên kinh doanh cái gì có lợi nhuận cao nhất

- Hành động duy lý giá trị : Là hành động của cá nhân con ng- ời h- ớng tới các giá trị xã hội. Trong đời sống thông qua t- ơng tác xh từ đời này sang đời khác, đã hình thành nên một hệ thống giá trị xh của con ng- ời. VD: sự giàu có, sức khỏe, thành đạt trong cuộc sống, hạnh phúc, sự thủy chung, Sự hiếu thảo với cha mẹ ông bà .

Khi cá nhân hành động để h- ứng tới giá trị xh thì đ- ợc gọi là duy lý giá trị (định h- ứng theo giá trị xh).

- Hành động duy lý truyền thống: Là hành động cá nhân thực hiện theo phong tục tập quán, truyền thống văn hoá đ- ợc gọi là duy lý truyền thống. Khi những ng- ời tr- ớc làm đã đ- ợc chấp nhận thì những ng- ời theo sau làm theo. VD: Tục lệ ma chay, c- ối hỏi là những thủ tục phong tục tập quán (đã lặp đi lặp lại nh- một thói quen, truyền đến đời sau).

- Hành động duy cảm: là hành động của con ng- ời thực hiện theo cảm xúc nhất thời : sự tự hào, sự yêu th- ơng, sự căm giận, sự buồn vui...

Nh- ng ko phải tất cả mọi hành động của con ng- ời theo cảm xúc đều là hành động duy cảm mà chỉ có những hành động các cảm xúc đó có liên quan đến ng- ời khác, định h- ứng đến ng- ời khác mới đ- ợc coi là hành động duy cảm .

Trong 4 loại HĐXH do M.Weber phân loại thì chúng ta th- ờng thực hiện hành động nghiêng về loại nào? Lý giải tại sao? Yếu tố XH nào chi phối?

Các yếu tố XH:

+ Tự nhiên:

- Đặc điểm sinh học của cơ thể ng- ời (nhân t- ướng học); - môi tr- ờng tự nhiên nơi con ng- ời c- trú

+ Xã hội:

- Cơ cấu xã hội: cấu trúc và hình thức tổ chức sắp xếp bên trong Xh (từ vi mô đến vĩ mô), mỗi cá nhân đều có vị thế XH cụ thể trong mỗi CCXH, đ- ợc XH xác định rõ mình là ai trong CC đó

- Kết quả của quá trình XH hoá cá nhân: XH hoá là quá trình biến con ng- ời cá nhân dần dần trở thành con ng- ời Xh, các nhân phải học hỏi những giá trị khuôn mẫu Xh, hành vi ứng xử của XH.

Xh hoá là quá trình diễn ra đồng đều với tất cả mọi cá nhân. Quá trình đó diễn ra liên tục không ngừng. Nh- ng kết quả XH hoá với mỗi ng- ời đều khác nhau, nó biểu hiện thông qua hành động của cá nhân đó với XH.

Cách 2 của T. Parsons:

Phân loại theo định h- ứng giá trị. Ông đ- a ra 5 dạng định h- ứng giá trị:

+ Toàn thể-bộ phận: các chủ thể trong HĐ của mình có thể tuân thủ theo những quy tắc chung hoặc theo những tình huống đặc thù của hoàn cảnh. VD: một ng- ời nghiện không hút thuốc trong phòng vì có treo biển “ cấm hút thuốc” , nếu có ng- ời hút thuốc ngồi cạnh, ng- ời này có thể lựa chọn hút theo hoặc không hút để tuân theo quy định.

+ Đạt tới-có sẵn: Dạng HĐ này thể hiện ở chỗ các chủ thể hành động có định h- ứng

+ Cảm xúc-trung lập: HĐ dạng này có thể định h- ứng đến việc thoả mãn các nhu cầu trực tiếp, cấp bách đến những nhu cầu nào đó xa vời nh- ng quan trọng

+ đặc thù-phân tán: Chủ thể hành động định h- ứng đến các đặc thù hoặc những đặc điểm chung của hoàn cảnh

+ Định h- ứng cá nhân-định h- ứng nhóm:Loại HĐ này thể hiện khả năng các chủ thể hành động vì lợi ích của bản thân cá nhân hay có tính đến lợi ích của nhóm.

Cách 3 của V. Pareto: Phân loại theo mức độ của ý thức hành động. ông chia HĐ của các cá nhân thành 2 dạng:

+ Hành động logic: là những HĐ hợp lý, có những mục đích đ- ợc ý thức một cách rõ ràng, các nhân HĐ h- ứng vào mục đích đó.

+ Hành động không logic: Là những HĐ bản năng, không đ- ợc ý thức. Nó có cơ sở là một tổ hợp các bản năng, ham muốn, lợi ích ...thúc đẩy, vốn là cố hữu của con ng- ời.

Câu 21. Thế nào là quan hệ XH? Các loại hình quan hệ XH?

a. Khái niệm:

Quan hệ xh là mối liên hệ, quan hệ giữa các chủ thể xh khác biệt nhau bởi vị trí, chức năng xh.

- Không phải mọi t-ơng tác xh đều hình thành quan hệ xh mà quan hệ xh hình thành trên cơ sở t-ơng tác xh. Có những TTXH chỉ gặp nhau và giao tiếp nhất thời trong hoàn cảnh nào đó.

- T-ơng tác xh diễn ra một cách ổn định bền vững trong 1 khoảng thời gian nhất định mới hình thành nên quan hệ xh. Khi quan hệ xh đ-ợc thiết lập thì nó duy trì t-ơng tác xh.

- Khi t-ơng tác xh diễn ra liên tục, ổn định, khuôn mẫu hoá ở cấp độ vĩ mô thì nó thiết lập nên quan hệ xã hội ổn định. (QH Cha – con, vợ – chồng, Thầy – trò, ng-ời mua – ng-ời bán)

QHXX tồn tại bền vững lâu dài từ đời này sang đời khác, cái để cân bằng, cái để duy trì ổn định. Quan hệ xh là quan hệ giữa cái đ-ợc và cái mất, giữa cái phần th-ặng, mỗi lợi và cái chi phí.

Bất kể quan hệ xh nào, cá nhân đều luôn luôn có xu h-ớng giảm thiểu chi phí, đạt tối đa mỗi lợi trong quan hệ đó, dẫn tới các cá nhân trong quan hệ xh kì vọng lẫn nhau. Đó chính là nhân tố để duy trì quan hệ xh (có thể là về vật chất hay về tinh thần)

b. Phân loại

Quan hệ xh diễn ra với nhiều hình thức khác nhau, phổ biến là:

- Theo chiều ngang: Là quan hệ giữa các cá nhân có cùng vị thế

- Theo chiều dọc: Là quan hệ giữa các cá nhân có vị thế xh cao thấp khác nhau (trên d-ới)

Câu 22: Tổ chức xã hội là gì? Các dấu hiệu cơ bản của tổ chức xã hội? Phân loại tổ chức xã hội?

a. Khái niệm.

Là một tập hợp các quan hệ xh liên kết các cá nhân lại nhằm thực hiện một mục tiêu chung nào đó gọi là tổ chức xã hội.

b. Đặc tr-ợng: (5 đặc tr-ợng)

(dấu hiệu cơ bản của tổ chức xh)

+ Đ-ợc thành lập một cách có chủ định, có mục đích rõ ràng các thành viên ý thức đ-ợc tổ chức của họ để đạt tới mục đích nhất định.

+ Trong tổ chức, có quan hệ quyền lực thể hiện rõ nét và sự phân chia quyền lực theo thứ bậc. Những cá nhân ở thang quyền lực nào đó có khả năng điều chỉnh hành vi, thái độ của ng-ời khác ở thang quyền lực thấp hơn.

+ Các cá nhân là thành viên đ-ợc xác định rõ ràng vị thế và vai trò của mình trong tổ chức. Tổ chức cũng đặt ra cho cá nhân một tập hợp các hành vi đ-ợc phép và hành vi không đ-ợc phép làm

+ Vai trò, vị thế xã hội cá nhân trong tổ chức ko tồn tại độc lập, riêng rẽ mà tồn tại trong mối quan hệ tác động qua lại với các vị thế, vai trò khác trong tổ chức nhằm đạt đ-ợc mục tiêu chung mà tổ chức đã đề ra.

+ Phần lớn các mục đích và mối quan hệ của tổ chức đ-ợc chính thức hoá và công khai hoá, không chỉ với các thành viên trong tổ chức mà còn công khai hoá với bên ngoài tổ chức.

c. Phân loại

Tổ chức xã hội điển hình, phổ biến nhất là tổ chức quan liêu (th-ờng có trong XH hiện đại).

Tổ chức quan liêu: Bộ máy hành chính nhà n-ớc, tổ chức công sở.

5 đặc tr-ợng của tổ chức quan liêu:

+ Tính chính thức hoá : Có tên gọi rõ ràng có trụ sở có giấy phép thành lập về mặt pháp lý

- + Cấu trúc hoá: Tổ chức theo mô hình và khuôn mẫu hoá (hình tháp) Tùy theo quy mô, chức năng nhiệm vụ mà có mô hình đơn giản hay phức tạp.
- + Tính chuyên môn hoá : Mỗi tổ chức quan liêu luôn luôn đi- ợc tuân theo những quy trình liên quan đến các thủ tục hành chính, liên quan đến nhiều loại giấy tờ, công văn hành chính.
- + Tính duy lý hoá: Phản ánh quan hệ của các cá nhân trong tổ chức, chủ yếu là quan hệ duy lý, theo chức năng nhiệm vụ chứ ko theo tình cảm. Đây là tổ chức khoa học nhất, phổ biến nhất và điển hình nhất.

Câu 23. Trình bày khái niệm quyền lực, nguồn gốc của quyền lực và các hình thức của QL trong XH?

a. Khái niệm

QL là một phạm trù rất phức tạp, đi- ợc nhiều lĩnh vực K.H nghiên cứu, nh- ng có thể hiểu:

- QL là khái niệm chỉ sức mạnh đi- ợc đặt trong một quan hệ cụ thể nào đó.

Có thể là s/m của siêu nhiên, s/m của tự nhiên hay của con ng- ời trong quan hệ với con ng- ời.

Theo quan niệm của M.Weber:

QL là khả năng áp đặt ý chí của cá nhân hay nhóm xh, tổ chức Xh mà bất chấp sự chống cự hay sự phản đối của ng- ời khác.

XHH định nghĩa:

+ QL là khả năng của một cá nhân hay một nhóm XH áp đặt ý chí của mình làm thay đổi quan điểm, thái độ và hành vi của các nhân hay nhóm XH khác.

b. Đặc tr- ng:

+ QLXH là một dạng quan hệ theo chiều dọc, gọi là quan hệ bất bình đẳng ở đó, có sự áp đặt ý chí của ng- ời này lên hành vi, thái độ quan điểm của ng- ời khác.

+ Về bản chất, QLXH có quan hệ mở rộng hay giới hạn mức độ tự do hành động của chủ thể, khách thể quyền lực. Điều đó làm cho QLXH trở thành một thứ giá trị phổ biến trong XH mà nhiều ng- ời mong muốn nắm giữ, sở hữu, ham muốn trở thành chủ thể của quan hệ QL (phổ biến đối với mọi cá nhân).

+ QLXH có tính hai mặt:

Mặt thứ nhất: mang tính áp đặt, c- ỡng chế từ phía chủ thể đến phía khách thể QLực.

Mặt thứ hai: Sự chấp thuận, thừa nhận của khách thể đ/v ý chí của chủ thể QL, đi- ợc biểu hiện ở sự tuân thủ, phục tùng.

Nếu thiếu một trong hai mặt trên, đặc biệt là mặt thứ hai thì sẽ không thể có QLXH trong thực tế. Hai mặt này ràng buộc lẫn nhau và có quan hệ biện chứng với nhau.

Giữa “ quyền ” và “ quyền lực ” là hai phạm trù khác nhau.

Quyền phải đi kèm theo nghĩa vụ thì mới có quyền lực.

+ Mọi cá nhân trong XH đều tham gia vào các qua hệ QLực với những mức độ khác nhau. Cá nhân trong quan hệ này có thể là chủ thể nh- ng lại là khách thể trong quan hệ khác.

+ Mọi quyền lực đều diễn ra trong môi tr- ờng cụ thể gọi là tr- ờng quyền lực.

c. Nguồn gốc.

Theo K. Marx:

Chế độ sở hữu t- nhân về TLSX là cơ sở của sự phân chia QLXH trong quan hệ XH. Ng- ời nắm giữ TLSX chính là ng- ời có quyền lực điều chỉnh hành vi và cơ hội của ng- ời không có QL.

Theo M. Weber:

Nguồn gốc của QL không chỉ do kinh tế mà còn do những yếu tố phi KT nh- : gia đình, dòng dõi, chủng tộc, tôn giáo, uy tín ...

+ Theo T. Parsons:

QLXH nằm ở vị thế của các cá nhân trong cơ cấu của Xh. XH trao cho một số quyền hạn để thực hiện vai trò, vị thế đ- ợc phép làm. XH tạo ra QL cho cá nhân.

Tóm lại, có rất nhiều nguyên do dẫn đến sự phát sinh và tạo ra QL. Những nguyên do cơ bản gồm:

- + Dòng dõi xuất thân
- + Giới tính
- + Tuổi tác (ph- ơng đông)
- + Cửa cải, tài sản (kinh tế)
- + Học vấn
- + Sức mạnh (vú khí, thể lực)
- + Khả năng thiên bẩm (khả năng quy tụ, lôi kéo, tập hợp, thuyết phục ng- ời khác, th- ờng là thiên tài, lãnh tụ)
- + Pháp lý (thông qua quyết định đề bạt, tuyển dụng, bổ nhiệm các nhân vào vị trí XH nào đó) tạo ra sự thừa nhận của Xh về mặt pháp lý.
- + Sắc đẹp.

Tự thân các yếu tố không tự nó tạo ra QL mà chính là quan niệm của Xh về yếu tố đó, đề cao nó hay không đề cao nó.

d. Các hình thức QL trong XH.

+ C- ỡng bức: Là dạng QL sử dụng sự ép buộc về thể xác để áp đặt ý chí, hình thức này khá phổ biến. VD khi ta cần tấn công, giết kẻ thù, hoặc bỏ tù kẻ phạm tội, c- ỡng bức chữa bệnh đ/v những ng- ời có thể gieo rắc mầm bệnh nguy hiểm cho XH.

+ Uy quyền: Là dạng QL có sự đồng tình của công chúng, cho phép ng- ời ra lệnh có thể kiểm soát hành vi của ng- ời d- ới quyền, đ- ợc thiết chế hoá và hợp pháp hoá. Khi thiếu sự đồng tình thì phải thực thi QL bằng hình thức c- ỡng bức hoặc nh- ờng quyền lực cho ng- ời khác.

M. Weber đ- a ra 3 loại UQ:

- Uy quyền lời cuốn
- Uy quyền truyền thống
- Uy quyền hợp pháp, hợp lý.

Những dạng QL khác :

- QL tuyệt đối
- QL quân chủ
- QL thiểu số
- QL dân chủ.

Câu 24. Thế nào là thiết chế XH? Nêu những đặc tr- ng cơ bản, chức năng và một số loại thiết chế XH cơ bản ?

a. Khái niệm:

Là một kiểu tổ chức XH đặc thù xuất hiện cùng với những nhu cầu XH căn bản của con ng- ời (có thể quan sát đ- ợc)

Là một hệ thống các giá trị chuẩn mực XH, khuôn mẫu hành vi Xh, quy định, luật lệ, thủ tục ...xoay quanh việc thoả mãn những nhu cầu XH căn bản của con ng- ời (cái khó quan sát)

Thiết chế Xh không tồn tại lơ lửng mà nó gắn với các tổ chức XH. Muốn hiểu tổ chức XH phải phân tích TCXH trên 2 bình diện: Cơ cấu hình thức và cơ cấu nội dung.

Luật pháp là thiết chế căn bản nhất của XH có giai cấp.

b. Đặc tr- ng

- + Tính khách quan: TCXH xuất hiện là do đòi hỏi, nhu cầu của XH. TCXH có tính độc lập t- ơng đối với KT-XH.
- + Tính giai cấp: Chỉ xuất hiện trong XH có phân chia giai cấp. Luật pháp, chính sách của NN xuất phát từ ý chí của giai cấp thống trị.
- + Tính phổ biến: ở đâu có sự tồn tại của con ng- ời thì ở đó có sự xuất hiện của TCXH. 5 thiết chế cơ bản có liên quan đến đa số thành viên trong XH.
- + Tính độc lập t- ơng đối: Mỗi TCXH đều có tính ĐLTĐ nh- ng giữa các TC đều có sự tác động qua lại lẫn nhau. Sự biến đổi của TC này kéo theo TC khác biến đổi theo.
- + Tính ổn định t- ơng đối: TCXH có biến đổi theo sự biến đổi Xh nh- ng nội dung của nó th- ờng biến đổi chậm chạp, trì trệ hơn, đôi khi không theo kịp sự biến đổi của đời sống XH.

c. Chức năng:

Mọi TCXH đều có 2 chức năng:

- + CN kiểm soát XH
- + CN điều tiết XH.

d. Phân loại

+ TC Gia đình:

- Điều chỉnh hành vi giới và tình dục
- Duy trì tái sinh sản các thành viên trong GĐ từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- Chăm sóc và bảo vệ trẻ em
- Xã hội hoá trẻ em
- Gắn vai trò và thiết lập vị thế đã d- ợc thừa kế t- GĐ.
- Đảm bảo cung cấp kinh tế GĐ nh- là một đơn vị tiêu dùng và đơn vị SX.
- Chuẩn bị cho các nhân nghề nghiệp XH
- Truyền bá và chuyển giao di sản văn hoá qua các thế hệ
- Giúp cá nhân làm quen dần với các giá trị XH
- Chuẩn bị cho các cá nhân tiếp nhận vai trò XH và đảm nhiệm các vai trò phù hợp với sự mong đợi của XH.
- Tham gia kiểm soát và điều chỉnh hành vi các nhân cũng nh- các quan hệ XH.

+ TC Kinh tế

Là TC mà nhờ đó XH đ- ợc cung cấp đầy đủ về vật chất và dịch vụ. Có rất nhiều thiết chế phụ thuộc nh- : tín dụng, ngân hàng, quảng cáo ..Chức năng của TC Kinh tế là:

- Sản xuất, trao đổi HH&DV
- Phân phối HH&DV
- Tiêu dùng SP và sử dụng DV

+ TC Chính trị

Biểu hiện tập trung các lợi ích về quan hệ chính trị tồn tại trong XH. Tổng thể các TCCT quyết định bản chất giai cấp XH của hệ thống CTXH, quyết định mức độ dân chủ hoá đời sống XH.

+ TC Giáo dục

Bao gồm những hệ thống luân lý, đạo đức chỉ rõ điều phải, trái trong những khuôn mẫu tác phong

Câu 25. Thế nào là cơ cấu XH? Nêu các cơ cấu XH cơ bản?

a. Khái niệm

CCXH là mô hình của cá mối quan hệ giữa các thành phần cơ bản trong hệ thống XH, những thành phần này tạo bộ khung cho tất cả các XH loài người. Mặc dù tính chất, quan hệ của chúng có sự biến đổi. Những thành phần cơ bản của CCXH là vị trí, vai trò nhóm, cộng đồng, thiết chế.

CCXH là những mối liên hệ vững chắc của các thành tố trong hệ thống XH, các cộng đồng XH (dân tộc, giai cấp, nhóm nghề nghiệp ...) là những thành tố cơ bản.

CCXH là kết cấu tổ chức bên trong của một hệ thống XH nhất định trong đó có sự thống nhất bền vững tương đối của các yếu tố, thành phần, mối liên hệ cơ bản của hệ thống XH đó.

CCXH nằm trong bản thân XH, trừu tượng hết là một bộ phận, nhân tố cấu thành hệ thống XH.

CCXH gồm các bộ phận thành phần tạo nên CCXH, các thành phần và mối liên hệ của CCXH có ý nghĩa chung là bộ khung cho toàn thể XH loài người.

Các quan niệm về CCXH đều thừa nhận sự gắn kết giữa CCXH và quan hệ XH.

b. Các yếu tố cơ bản của CCXH

* Vị thế XH

* Vai trò XH

Là một tập hợp các chuẩn mực hành vi, nghĩa vụ và quyền lợi gắn với một vị thế nhất định. Vai trò là những đòi hỏi của XH đặt ra với các vị thế XH, những đòi hỏi được xác định và căn cứ vào các chuẩn mực XH. Vì vậy ở các xã hội khác nhau, cùng một vị thế XH nhưng mô hình hành vi được XH mong đợi rất khác nhau, tức vai trò cũng khác nhau.

Trên thực tế, nhiều vai trò XH có những đòi hỏi khác nhau, những đòi hỏi này có thể phối hợp được với nhau nhưng cũng có những đòi hỏi hoàn toàn trái ngược nhau dẫn đến mâu thuẫn và xung đột với nhau.

* Nhóm xã hội

Là một tập hợp người với nhau theo một kiểu nào đó để chia sẻ với nhau một hành động chung hay những nhu cầu lợi ích và định hướng giá trị nhất định.

Có hai loại nhóm XH:

+ Nhóm sơ cấp:

Là nhóm có quy mô nhỏ, có quan hệ trực diện với nhau, có sự cộng tác về mục tiêu chung, có quan hệ gắn bó về mặt tình cảm (gia đình, đồng nghiệp, bạn bè ...)

Từ 2 thành viên trở lên hình thành nên nhóm XH.

+ Nhóm thứ cấp:

Là nhóm XH có quy mô lớn, trong đó có thể chứa nhiều nhóm sơ cấp.

Đặc trưng của nhóm thứ cấp:

- Gồm nhiều mối quan hệ XH. Các quan hệ XH này thường được định chế hoá theo mục đích của nhóm.

- Các quan hệ Xh trong nhóm có thể diễn ra trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc có thể duy trì trong một thời gian nhất định.
- Các quan hệ XH trong nhóm thường được xác lập trên cơ sở những thoả thuận chung giữa các thành viên trong nhóm (thành văn hoặc bất thành văn)

* Cộng đồng xã hội

Là một tập hợp người trong đó các cá nhân liên hệ với nhau theo những cơ sở, điều kiện tồn tại, hoạt động nhất định theo những quan niệm thống nhất về văn hoá, giá trị XH.

Về cấu trúc, mỗi cộng đồng đều có đặc thù về kết cấu liên hệ giữa các thành viên tính cố kết, chặt chẽ hay lỏng lẻo, phụ thuộc vào điều kiện vật chất và ý thức của các thành viên trong cộng đồng.

Phân loại:

Được phân loại theo nhiều hình thức khác nhau nhưng đều có một số đặc trưng chung:

- + Phải có dân số
- + Có sự chia sẻ yếu tố địa lý
- + Về tôn giáo, có những vật thiêng để thờ.
- + Có hệ thống vai trò điều hành chung, hoạt động đời hình thức tự quản
- + Có chung một kiểu văn hoá

* Thiết chế xã hội

* Mạng lưới xã hội

Đ/n: MLXH là phức hợp các mối quan hệ của các cá nhân trong các nhóm, các tổ chức, cộng đồng Xh tạo nên CCXH.

MLXH là những quan hệ Xh thông qua MLXH các thành viên trong XH có thể trao đổi với nhau thông tin, kiến thức nhằm cho XH vận hành một cách gắn bó, hài hoà, trôi chảy. Các cá nhân tích cực tham gia, nhà quản lý thì tạo ra những mạng lưới hợp lý để chia sẻ những hoạt động hữu ích cho XH.

c. Các CCXH cơ bản

* Cơ cấu XH giai cấp:

là kết cấu và mối quan hệ XH giữa các giai cấp dựa trên các yếu tố cơ bản như: quan hệ sở hữu về TLSX, vị trí của con người trong hệ thống sản xuất và tổ chức lao động XH. Việc phân phối lợi ích XH, nghĩa vụ và quyền lợi của mọi người trong đời sống XH.

* Cơ cấu XH nghề nghiệp

Là kết cấu, mối liên hệ XH giữa các lực lượng lao động, các ngành nghề lao động khác nhau trong XH trên cơ sở của sự phát triển liên ngành, hợp ngành, phân nhỏ giữa ngành và xuất hiện một số ngành nghề mới. Ngoài ra còn phân tích lao động theo tuổi, giới tính, học vấn, được đào tạo hay không được đào tạo và quan tâm đến những người trong độ tuổi lao động có việc làm hay không có việc làm để từ đó vạch ra xu hướng phát triển của CCXH nghề nghiệp nói riêng và cũng như CCXH tổng thể nói chung.

* Cơ cấu XH dân số:

Cũng là kết cấu, là mối liên hệ XH trong thực tại của tái SX nhân khẩu, của tỉ lệ giữa các mức tuổi, giới tính, mật độ dân cư, quá trình di dân

* Cơ cấu XH cộng đồng lãnh thổ:

Được nhận diện chủ yếu qua đường phân ranh giới lãnh thổ. Đó là sự khác biệt về lối sống, điều kiện sống, trình độ SX, mật độ dân cư, đặc trưng văn hoá.

* Cơ cấu XH dân tộc:

Được hình thành chủ yếu dựa trên sự khác biệt dấu hiệu dân tộc quy định.

Câu 26. Thế nào là bất bình đẳng XH? Nguồn gốc của BBĐ XH?

- Bình đẳng Xh là sự ngang bằng nhau giữa con ng- ời với con ng- ời ở một hay nhiều ph- ơng diện, cơ may trong cuộc sống, uy tín, địa vị và quyền lực.

- Bất bình đẳng XH là sự không ngang bằng nhau về lợi ích, về của cải, về uy tín, về cơ hội đối với những cá nhân khác nhau trong một nhóm hoặc nhiều nhóm trong XH.

Thông thường có 3 loại BBĐ:

- + BBĐ về giới
- + BBĐ về dân tộc
- + BBĐ về giai cấp

Nguyên nhân gây ra BBĐ:

- Sự khác nhau về cơ hội sống giữa các cá nhân bao gồm những sự thuận lợi về mặt vật chất nh- : thu nhập, của cải và các điều kiện lợi ích khác. Nó giúp con ng- ời có thể cải thiện, nâng cao chất l- ượng cuộc sống trong các lĩnh vực sinh hoạt.

- Sự khác nhau về vị thế Xh của các cá nhân trong CXH cũng tạo ra BBĐ XH

- ảnh hưởng chính trị: khả năng là một cá nhân hay một nhóm ng- ời có thể tác động để hoàn thành nên một chính sách và thu d- ợc lợi ích từ các chính sách đó.

BBĐ là cơ sở dẫn đến sự phân tầng XH.

Câu 27. Trình bày khái niệm phân tầng XH? Nguồn gốc của phân tầng Xh?

Khái niệm:

PTXH là một khái niệm cơ bản của XHH. Thuật ngữ này chỉ sự BBĐ của các tầng lớp ng- ời khác nhau về khả năng thăng tiến Xh cũng nh- địa vị của họ trong bậc thang XH.

Có hai kiểu PTXH:

+ Phân tầng đóng: Là loại phân tầng mà trong XH có đẳng cấp, ở đó ranh giới giữa các tầng lớp XH đ- ợc xác định hết sức rõ ràng và duy trì một cách nghiêm ngặt. Các cá nhân trong Xh không có cơ hội để thay đổi vị trí của mình từ tầng lớp này sang tầng lớp khác

+ Phân tầng mở:

Là loại PT trong XH có giai cấp mà ranh giới giữa các tầng lớp rất linh hoạt, uyển chuyển, các cá nhân trong Xh có cơ hội, điều kiện để di chuyển sang tầng lớp khác.

Trong XH hiện đại, XH đ- ợc chia thành 6 tầng lớp (6 giai cấp) theo cách phân chia của Robersons:

- GC thượng lưu: (lớp trên)

Là những ng- ời thuộc nhà dòng dõi hay tĩ phú nhiều đời, có địa vị và quyền lực trong XH.

- GC thượng lưu lớp dưới:

Là những ng- ời buôn bán BĐS, chủ hãng ...

- GC trung lưu:

Là những nhà doanh nghiệp nhỏ, th- ơng gia.

- GC trung l- u lớp d- ới:

Bao gồm những ng- ời có thu nhập trung bình, công việc của họ không phải là dạng lao động chân tay (y tế, nhân viên, kĩ thuật viên ...)

- GC lao động:

Gồm số đông những ng- ời da màu đ- ợc đào tạo ít hơn g/c trung l- u.

- Giai cấp hạ l- u: Là những ng- ời nghèo, không có quyền lực, uy tín trong XH.

Nguyên nhân:

+ Do có sự tồn tại của hiện tượng BBD mang tính chất cơ cấu của tất cả các chế độ XH của loài ng- ời cho đến tận ngày nay (chỉ trừ giai đoạn đầu của XH công xã nguyên thủy).

+ Do sự phân công LĐXH, chính là sự phân công về mặt vị thế, có - u thế và không có - u thế trong XH.

Câu 28. Thế nào là giai cấp XH? Nêu các quan niệm khác nhau về GCXH?

Là khái niệm để chỉ một nhóm XH mà các thành viên có vị trí t- ơng đ- ơng nhau trong một cơ cấu BBD khách quan về vật chất do một hệ thống những quan hệ KT đặc tr- ng cho một ph- ơng thức SX cụ thể tạo ra.

Stark định nghĩa: Giai cấp là nhóm ng- ời chi sẻ một vị trí giống nhau trong hệ thống phân tầng XH.

Các quan niệm về GCXH:

K.Marx đã chỉ ra các đặc tr- ng cơ bản của g/c gắn liền với sự khác nhau giữa các tập đoàn ng- ời về địa vị trong một ph- ơng thức SX. Sự khác nhau đó là:

- Khác nhau về quan hệ sở hữu về TLSX, ai nắm đ- ợc TLSX thì có quyền điều hành, chi phối g/c khác.
- Khác nhau về vai trò trong tổ chức quản lý lao động XH.
- Khác nhau về ph- ơng thức thu nhập của cải làm ra.

M.Weber thì thừa nhận yếu tố kinh tế là cơ sở để phân chia XH thành g/c nh- ng ông cho rằng bên cạnh đó còn có yếu tố phi kinh tế, yếu tố này có vai trò rất quan trọng, tạo nên cơ sở để phân chia XH thành g/c đó là: uy tín, địa vị và của cải.

Câu 29. Trình bày khái niệm về trật tự XH? Những điều kiện cơ bản để duy trì trật tự XH? Mối quan hệ giữa thích ứng và hiệp tác XH với trật tự XH?

a. Khái niệm:

TTXH là khái niệm để chỉ sự hoạt động ổn định, hài hoà của các thành phần và cơ cấu XH, nó biểu hiện ở tính có tổ chức của đời sống XH, tính kỉ c- ơng của hoạt động XH và tính ngăn nắp của các hệ thống XH.

- TTXH liên quan đến giới hạn XH, XH có đ- ợc TT, tr- ớc hết là do các cá nhân, nhóm, cộng đồng XH tuân thủ những giới hạn XH đó.

VD: những giá trị, những chuẩn mực, những mô hình hành vi mà chúng đ- ợc gán cho mỗi vị thế XH.

- TTXH còn liên quan đến sự kiểm soát XH. Một XH có trật tự cũng là một XH có kiểm soát XH tốt. VD: cảnh sát GT ...

-TTXH gắn liền với t- ơng tác XH t- ơng đối ổn định giữa các vị thế, vai trò, thiết chế XH, các hệ thống XH và sự phối hợp nhịp nhàng, ăn khớp của các thành phần tạo nên cơ cấu XH.

- Xh thể hiện tính trật tự thông qua tổ chức của nó, liên tục vận động và biến đổi.

Điều kiện để duy trì TTXH:

+ Phía XH: Nó có liên quan đến thể chế XH, muốn duy trì TTXH thì phải bảo đảm tính hiệu lực của các thiết chế XH nhằm thực hiện chức năng kiểm soát XH và điều tiết XH. VD: Thiết chế chính trị, th/chế Kinh tế ... thông qua các đạo luật, các văn bản d- ới luật.

Tính xác định rõ các vị thế, vai trò và quyền lực của cá cá nhân, nhóm XH. VD: trong gia đình, trong các cơ quan, tổ chức ...

XH phải lập đ- ợc hệ thống các giá trị chuẩn mực hợp lý, thống nhất, đồng bộ để trong quá trình XH hoá cá nhân học hỏi và làm theo XH.

Liên quan đến mâu thuẫn XH là phải kiểm soát, phải giới hạn đ- ợc các mâu thuẫn XH (gq vấn đề lợi ích, đặc biệt là g/c thống trị). VD: giữa các cá nhân, nhóm, cộng đồng XH...

+ Phía cá nhân: các cá nhân với t- cách là chủ thể hành động thì phải nâng cao nhận thức cá nhân về hệ thống chuẩn mực XH, vị thế, vai trò Xh mà cá nhân đảm nhiệm theo sự mong đợi của XH.

Thích nghi XH:

Là khái niệm để chỉ sự hội nhập XH của con ng- ời vào những hoàn cảnh, tình huống Xh cụ thể (sự hoà nhập của con ng- ời vào XH)

T- ơng ứng với vị trí vai trò là sự thay đổi tâm lý ứng xử và hành động của con ng- ời đ/v môi tr- ờng và hoàn cảnh cụ thể,

Hiệp tác XH:

Là sự phối hợp giữa các cá nhân, nhóm, cộng đồng XH trong việc thực hiện một mục tiêu chung nào đó. HTXH tạo ra sự liên kết, đoàn kết giữa các cá nhân, nhóm XH để tạo ra sự tồn tại và phát triển XH.

Câu 30. Trình bày khái niệm sai lệch XH? Các loại sai lệch XH? Nguyên nhân của sai lệch XH? Mối quan hệ giữa SLXH và trật tự XH?

a. Khái niệm:

Là khái niệm dùng để chỉ các dạng vi phạm khác nhau trong hệ thống các giá trị chuẩn mực XH. SLXH chỉ mang tính t- ơng đối theo sự thẩm định của những XH khác nhau và xem xét ở những hoàn cảnh khác nhau.

b. Nguyên nhân:

- Do hệ thống chuẩn mực XH: Tính không thống nhất, không đồng bộ, mâu thuẫn và hiệu lực kém của các chuẩn mực XH. VD: P.luat về Ktế còn kẽ hở để cho t- th- ơng buôn lậu, trốn thuế ...

- Xuất phát từ sự yếu kém của các cơ quan quản lý và kiểm soát XH.

- Xác định vai trò của cá nhân trong tổ chức không rõ ràng, lạm dụng vị thế.

- Xuất phát từ phía chủ thể hành động, tâm sinh lý không bình th- ờng, thiếu hiểu biết về chuẩn mực XH.

c. Phân loại:

* Dựa vào quy mô: có sai lệch cá nhân và sai lệch nhóm.

SL cá nhân: là hành động của một cá nhân đi ng- ợc lại những quy tắc XH đ- ợc 1 nhóm hay 1 cộng đồng XH thừa nhận.

SL nhóm: là hành động của một nhóm các thành viên đi ng- ợc lại với những quy tắc, những hệ thống giá trị và chuẩn mực XH đang đ- ợc một nhóm lớn hay cộng đồng XH thừa nhận tuân theo. VD: tham nhũng, trộm cắp, c- ớp giạt ...

* Sai lệch mức thấp và mức cao

SL mức thấp : ở mức độ nhẹ th- ờng không hay lặp lại. SL mức cao th- ờng là những tính toán có hệ thống của một nhóm ng- ời đi chệch khỏi những hệ thống chuẩn mực giá trị XH.

* Dựa vào tính chất.

- SL tích cực là những hành vi không phù hợp với giá trị thông th- ờng đi chệch khỏi những quy tắc XH, thậm chí có thể vi phạm cả quy chuẩn, luật pháp XH đang hiện hành nh- ng có tác động tích cực đến XH, khuyến khích xu h- ớng tiến bộ, văn minh.

- SL tiêu cực là hành động của một nhóm ng- ời đi chệch khỏi giá trị chuẩn mực XH, gây hậu quả xấu, cản trở quá trình phát triển của XH. VD: tham ô, hối lộ, ăn cắp của công, gây mất lòng tin...

Câu 31. Kiểm soát XH là gì? nêu các loại KSXH? Vai trò của KSXH đối với đời sống XH?

a. Khái niệm:

Là cơ chế điều chỉnh hành vi của con ng- ời theo các chuẩn mực XH.

Nội dung:

- Phải xác lập hệ thống các chuẩn mực XH, các quy tắc XH cùng cá chế tài để thực hiện chúng.
- Phải xác lập các chế tài để thực thi các chuẩn mực XH. Có hai loại chế tài: Tích cực và tiêu cực.

Tích cực: là những hình thức khen th- ưởng bằng tiền, tăng l- ơng, thăng chức hay tuyên d- ơng.

Tiêu cực: là những hình phạt tùy theo mức độ thì chế tài khác nhau (cảnh cáo, khiển trách, phạt tiền, giáng chức...

Tiến hành điều chỉnh hành vi của con ng- ời thông qua cơ quan tyhực hiện chức năng kiểm soát chuyên biệt nh- : thanh tra, Toà án, Viện kiểm sát...

Thông qua thoả thuận xã hội: sự bình phẩm, đánh giá khen chê...

b. Phân loại:

- + Chia theo biện pháp điều chỉnh hành vi thì có kiểm soát c- ưỡng chế và kiểm soát tự nguyện.
- KS c- ưỡng chế là loại K/s nhờ sức mạnh quyền lực, mệnh lệnh bắt buộc cá nhân bị k/s phải phục tùng những chuẩn m- c đã đ- ợc quy tắc hoá.
- K/s tự nguyện: giáo dục, thuyết phục
- + Căn cứ vào hệ thống chuẩn mực có kiểm soát chính thức và không chính thức.
- KS chính thức: là ks dựa trên những quy định, quy phạm luật lệ và phải tuân theo một cách nghiêm ngặt.
- KS không chính thức: dựa vào những quy định, luật lệ không thành văn.
- + Căn cứ vào kế hoạch k/s có k/s có hoạch định và k/s không có hoạch định
- K/s có hoạch định: là K/s theo những kế hoạch định tr- ớc, xác định rõ chủ thể, khách thể, nội dung, hình thức cũng nh- biện pháp xử lý. Chủ thể của k/s này là cảnh sát, viện KS, toà án, nhà giam, trại cải tạo ...
- K/s không có hoạch định là; không theo một kế hoạch định tr- ớc nào.
- + Căn cứ vào công cụ KS có KS thiết chế XH và d- ự luận XH.

Câu 32. Trình bày khái niệm văn hoá? Cấu trúc của văn hoá? Phân loại văn hoá?

a. Khái niệm:

Có trên 200 định nghĩa về VH. ĐN chung nhất là:

VH là tổng thể nói chung những giá trị VC, tinh thần do con ng- ời sáng tạo ra trong lịch sử.

- + Giáo dục học: VH là trình độ học vấn
- + Khảo cổ học: VH là những di chỉ

- + Dân tộc học: VH là cách bài trí
- + VHNT: VH là hoạt động giải trí

Theo cách hiểu của XHH thì:

Văn hoá là hệ thống các giá trị, chân lý, chuẩn mực và mục tiêu mà con người cùng thống nhất với nhau trong một quá trình tương tác và trải qua thời gian, VH là phương tiện ứng xử của con người. Nó phản ánh các nét truyền thống của các cá nhân trong XH đối với mỗi thành viên trong cộng đồng, cá nhân đó phải học tập những giá trị chuẩn mực mà cá nhân đã sống trong cộng đồng.

VH là sản phẩm sáng tạo của con người, chỉ có trong XH loài người. VH là để đáp ứng nhu cầu nhất định của con người.

b. Các tổ chức của VH (cấu trúc)

+ Nét văn hoá: Là đơn vị biểu đạt nhỏ nhất của VH được biểu hiện qua một ý chí, một điệu bộ, một lời nói, một biểu tượng hay một quy tắc ứng xử, giao tiếp nào đó.

+ Phức hợp XH: Là tập hợp các nét văn hoá có liên quan mật thiết với nhau để nó biểu đạt 1 đơn vị VH lớn hơn.

+ Thiết chế XH: Là các quy định liên quan đến hoạt động VHNT, nó có nhiệm vụ điều tiết một hoạt động hoặc thực hiện một chức năng của XH.

+ Tiểu văn hoá: Là mô hình VH của những nhóm người, những tập đoàn người gắn gũi với nền VH chung của XH nhưng nó mang những nét đặc thù riêng của nhóm.

+ Phản văn hoá: là khái niệm để chỉ VH của một bộ phận người phủ nhận những giá trị chuẩn mực chung của XH.

+ Văn hoá chung: Là nền VH lớn nhất cho con người sống trong cùng một lãnh thổ, quốc gia. VH chung chính là nền VH nhân loại, con người cùng chia sẻ và thống nhất với nhau về những giá trị, chuẩn mực XH.

c. Cơ cấu văn hoá.

+ Giá trị XH: GTXH là tất cả những cái mà qua quá trình tương tác, cá nhân thoả thuận với nhau cho rằng đó là cái đáng có, đáng trân trọng, đáng mong muốn đạt được thì đó là GTXH. VD: tự do, bình đẳng, đoàn kết, chung thủy, hoà bình, nghề nghiệp, địa vị ... GTXH được coi là hạt nhân của 1 nền VH vì nó tham gia vào bất kỳ 1 đánh giá nào của XH về các hiện tượng, sự vật của đời sống XH nói chung và của cá nhân nói riêng. Có 2 loại GTXH:

* GT tích cực: tạo ra liên kết XH, giữa các cá nhân, các nhóm, cộng đồng XH, chia sẻ tôn trọng nhau.

* GT tiêu cực; Phá huỷ các GTXH

Như vậy, phần lớn các GTXH được con người tiếp nhận từ khi còn nhỏ tuổi, thông qua gia đình, nhà trường, qua phương tiện thông tin đại chúng và thông qua các nguồn khác nhau trong XH, những giá trị này trở thành 1 phần nhân cách của con người.

+ Mục tiêu XH: Là cái đích để cá nhân, nhóm XH theo đuổi mục tiêu. chịu ảnh hưởng của giá trị. Không có giá trị thì không có mục tiêu. GT luôn gắn với MT nhưng cũng có sự khác nhau, GT là nhằm vào 1 cái gì đó nặng về mục đích, tương tác, có hướng dẫn, còn MT thì rất cụ thể. VD: trong KD, GT là lãi, còn MT là tỉ lệ % cao hay thấp. Các tổ chức XH tồn tại được là do có sự tương tác giữa các thành viên khi cùng nhau chia sẻ những MT và giá trị chung bảo đảm sự tồn tại của các tổ chức XH.

+ Chuẩn mực XH: CMXH là tổng số những yêu cầu, mong đợi, quy tắc XH được ghi lại bằng lời hay biểu tượng cho hướng cơ bản của mọi hành động, của thành viên trong XH. CMXH là những quy định, là cái cho ta biết phải hành động như thế nào trong một tình huống XH. CMXH có 2 mặt: Khách quan và chủ quan.

- KQ: là những tín hiệu điều chỉnh của XH.

- CQ: là sự chi phối ý thức, tình cảm của con người, tạo ra tính tự giác, tự thực hiện từ bên trong mỗi con người, trong môi trường VH

GTXH là những quan niệm về cái quan trọng, cái đáng giá trong XH, là cái con người hướng tới trong tương tác. Nó khác hơn CMXH ở chỗ nó không quy định những ứng xử cụ thể trong những tình huống cụ thể. CMXH là những cái hướng dẫn, quy định, cá nhân thực hiện. VD: chung thủy là 1 GTXH, còn CMXH là ...trung thực là 1 GTXH còn CMXH là ...

+ VH của một Xh tr- ớc hết là 1 hệ chân lý. Trong khoa học, chân lý đ- ợc hiểu là tri thức phản ánh đúng đắn thế giới khách quan trong ý thức của con ng- ời, thì trong XHH chân lý là những quan niệm về cái đúng, cái thật. Mỗi nền VH có cái đúng, cái thật khác nhau đo đó trong mỗi XH đều có 1 hệ chân lý không giống với hệ chân lý trong VH của XH khác.

Câu 33. Nêu và phân tích các chức năng của văn hoá? Mối quan hệ giữa văn hoá với lối sống và d- luận XH?

a. Chức năng của VH

b. Lối sống và d- luận XH

+ Lối sống: Là một hệ thống các nét đặc tr- ng căn bản cho hoạt động của con ng- ời trong một XH nhất định

Trong lối sống có l/s cá nhân, l/s nhóm, l/s cộng đồng quốc gia. l/s phụ thuộc vào điều kiện khách quan của XH nh- Ktế, ch/trị, môi tr- ờng tự nhiên.

Mỗi thành viên trong XH đều có cách thức khác nhau trong hoạt động để thực hiện nhu cầu lợi ích giá trị của họ. Do đó, l/sống có liên quan trực tiếp đến đạo đức, nhân cách của con ng- ời.

+ D- luận XH: là tổng số những quan điểm, thái độ, đánh giá, nhận xét của XH về 1 vấn đề nào đó mà XH quan tâm.

Đối t- ợng của DLXH là mọi vấn đề nảy sinh trong đời sống XH

Hình thức của DL XH rất đa dạng

DLXH có đặc tính lan truyền nhanh trong XH

DLXH hình thành qua 4 b- ớc:

DLXH là biện pháp để duy trì kiểm soát Xh, điều chỉnh hành vi của con ng- ời.

Câu 34. XH hoá là gì? Những yếu tố ảnh h- ưởng đến quá trình XH hoá?

a. Khái niệm

XH hoá là là quá trình cá nhân lĩnh hội 1 hệ thống những tri thức, những chuẩn mực, những giá trị XH-XH để phù hợp với vai trò Xh, hoà nhập vào XH

Quá trình XHH có 2 mặt:

+ mặt thứ nhất là ảnh h- ưởng của XH đến các cá nhân, XH đặt ra khuôn mẫu, hành vi giá trị chuẩn mực của XH mà cá nhân muốn tồn tại trong Xh đó buộc phải học hỏi và làm theo XH

+Mặt thứ hai là các cá nhân đáp ứng XH, học hỏi Xh để thực hiện vai trò của mình sao cho phù hợp với sự mong đợi của XH

hai mặt này th- ờng xuyên, liên tục chuyển hoá cho nhau rtong suốt quá rtình XHH cá nhân.

Tóm lại XHH chính là quá trình con ng- ời học tập để tiếp thu tri thức của nhân loại và quá trình thực hiện những tri thức đó trong đời sống XH

XHH khác với giáo dục ở 3 điểm:

+ Giáo dục có mục đích, có thời gian, có sự chủ động ...

+ Động tác từ nhà giáo dục tác động lên đối t- ợng ...

+ ...

b. Bản chất XHH của con ng- ời

- Con ng- ời bản năng luôn bị XH kiểm soát, nó khcs với bản năng của con vật là kiểm soát theo cơ chế tự nhiên.
- Bản năng của con ng- ời dần dần biến mất do quá trình XHH. Con ng- ời vừa là cá nhân vừa là sinh vật, con ng- ời sống cùng nhau và chia sẻ cùng nhau.
- Tính XH của con ng- ời đ- ợc truyền từ đời này sang đời khác, con ng- ời học hỏi và làm theo XH nên tính XH của con ng- ời thông qua cong đ- ờng văn hoá, con ng- ời đ- ợc hiểu là con ng- ời XH, khi mà con ng- ời vừa có khuynh h- ớng kết hợp với những ng- ời khác, vừa có nhu cầu t- ơng quan với những ng- ời khác, từ đó bộ lộ bản chất XH của con ng- ời.

Bằng những hành động thực tiễn của con ng- ời, K.Marx đã xem trong tính hình thức của nó. Bản chất con ng- ời là tổng hoà các mối quan hệ XH.

Trong quá trình con ng- ời trở thành con ng- ời XH, chủ thể XH phải thoả mãn các đặc tr- ng sau:

- + Con ng- ời phải học đ- ợc ngôn ngữ
- + Con ng- ời phải có 1 hệ tri thức
- + Con ng- ời ý thức về những hiểu biết, biết t- duy để thu nhận đ- ợc nền văn hoá và có văn hoá cá nhân.
- + Môi tr- ờng XHH

Gia đình: là cái nôi nuôi d- ỡng con ng- ời từ lúc sinh ra đến lúc từ giã cõi đời

GD là môi tr- ờng quan trọng để hoàn thiện nhân cách con ng- ời/

+ Nhà tr- ờng: Là thiết chế XH quan trọng, nó truyền thụ những kĩ năng, tri thức để cá nhân có thể làm việc độc lập, có thể lao động chân tay hay lao động trí óc để gánh vác những chuẩn mực XH. ở nhà tr- ờng cá nhân đ- ợc trang bị những tri thức, kĩ năng lao động nghề nghiệp cần thiết để cá nhân có thể đảm nhiệm các vị thế và vai trò XH trong t- ơng lai, đặc biệt là vị thế nghề nghiệp

+ Nhóm XH, tổ chức XH, đoàn thể XH: ở đó cá nhân là thành viên nên phải học hỏi những nguyên tắc của nhóm, tổ chức, đoàn thể để thích nghi với các vai trò và vị thế của mình.

+ các ph- ơng tiện thông tin đại chúng: là ph- ơng tiện để XHH cá nhân, nó truyền đạt những giá trị chuẩn mực mà các thành viên lĩnh hội. Qua đó cá nhân có thể tự tiếp thu cái gì là cần thiết cho mình để hoà nhập XH một cách tốt nhất.. Thông tin có cả yếu tố tích cực và tiêu cực, nên phải chọn lọc.

c. Các yếu tố ảnh h- ưởng đến quá trình XHH:

+ Khách quan: bao gồm điều kiện sinh hoạt vật chất, sinh hoạt tinh thần của Xh. VD: TT văn hoá ch/trị XH

Ngoài ra còn có yếu tố nh- : sự thống nhất, ổn định trật tự XH, sự hiệu lực của kiểm soát XH cũng ảnh h- ưởng đến quá trình XHH

Sự ổn định của thiết chế XHH

+ Chủ quan:

Sự nhạy bén, tinh tế, năng động cũng ảnh h- ưởng đến kết quả quá trình XHH. Có 3 giai đoạn cơ bản:

- Giai đoạn tr- ớc tuổi lao động: 1 -18 tuổi: từ khi sinh ra đến khi hoạt động chính thức. Đây là quá trình XHH đ- ợc thực hiện khi cá nhân còn nhỏ tuổi. Các t- ơng tác đ- ợc thực hiện trong quá trình XHH thông qua gia đình và nhà tr- ờng
- Giai đoạn ở độ tuổi lao động: Cá nhân thực hiện quá trình XHH thông qua mối quan hệ t- ơng tác trong môi tr- ờng Nhà tr- ờng, gia đình, xã hội, tổ chức XH.
- Giai đoạn kết độ tuổi lao động, nghỉ h- u.

Quan niệm thứ nhất cho rằng: Giai đoạn này cá nhân thể hiện tính bảo thủ rõ nhất, không còn khả năng tái tạo lại kiến thức, kinh nghiệm XH

Quan điểm thứ hai cho rằng cần phải có nhìn nhận 1 cách tích cực quá trình XHH ở giai đoạn này

Ngoài ra vẫn còn khả năng đóng góp kinh nghiệm, tri thức cho thế hệ sau.

Câu 35. Trình bày khái niệm di động XH? Các nhân tố ảnh hưởng đến di động XH?

a. Khái niệm:

DĐXH là khái niệm chỉ sự di chuyển địa vị cá nhân, nhóm Xh từ địa vị này sang địa vị khác, từ tầng lớp này sang tầng lớp khác, từ giai cấp này sang giai cấp khác, gọi là di động XH.

DĐXH nhấn mạnh vai trò của cá nhân trong CCXH, tổ chức TCXH.

b. Nguyên nhân

Do sự thay đổi về điều kiện Ktế-XH, do CCXH đặt ra, cá nhân này di động đi thì cá nhân khác di động tới.

Do sự cố gắng phấn đấu của bản thân mà đạt được cái mong muốn được XH thừa nhận.

Phân loại

+ Căn cứ vào hình thức của DĐXH thì có DĐ dọc và di động ngang. Di động dọc là sự vận động của cá nhân hay nhóm ng-ời, giữa các nhóm Xh, các g/cấp Xh tới một vị trí XH có giá trị cao hơn hay thấp hơn.

Cá nhân sẽ tiến đến địa vị cao hơn hoặc bị tụt lùi

Di động ngang là sự di động từ một tầng lps, một g/cấp này sang tầng lớp. g/cấp khác.

+ Căn cứ vào t-ơng quan giữa cá thể hệ thì phân ra: di động thế hệ, nội thế hệ, cùng thế hệ.

Di động thế hệ chỉ sự thay đổi địa vị của con cái so với cha mẹ,

Di động cùng thế hệ hay nội thế hệ chỉ địa vị khác nhau của cá nhân trong cùng 1 thế hệ

+ Di động hồi quy: Chỉ sự thay đổi nghề nghiệp của một cá nhân sau một khoảng thời gian nhất định.

+ Di động liên thế hệ: Chỉ sự tiếp nhận vị trí XH giữa các thế hệ

+ Di động cấu trúc: Chỉ cơ cấu XH hay nói cách khác đây là sự di động Xh với t- cách là kết quả của sự thay đổi trong quá trình phân phối các địa vị trong XH.

c. Các yếu tố ảnh hưởng đến DĐXH

+ Điều kiện Ktế-XH

+ Trình độ học vấn: là yếu tố tác động mạnh nhất, tạo ra nhiều khả năng di động XH khác nhau

+ Giới tính: DĐXH của nữ giới thấp hơn nam giới

+ nguồn gốc gia đình

+ Nơi c- trú

+ Kinh tế-tôn giáo

+ tài năng, tuổi tác

Câu 36. Thế nào là biến đổi XH? Các loại biến đổi XH? Những nhân tố của biến đổi XH?

a. Khái niệm:

Theo nghĩa rộng, BĐXH là biến đổi trạng thái XH hiện tại so với trạng thái tr-ước đó.

Theo nghĩa hẹp, BĐXH có 2 nghĩa: BĐXH là sự thay đổi về CCXH và BĐXH là sự thay đổi Văn hoá XH, thay đổi khuôn mẫu, hành vi, giá trị chuẩn mực, thiết chế XH.

KN của XHH:

BĐXH được hiểu là quá trình mà qua đó các khuôn mẫu, hành vi Xh, các quan hệ Xh, cá thiết chế Xh và hệ thống phân tầng Xh thay đổi theo thời gian.

b. Phân loại:

+ Căn cứ vào khả năng kiểm soát BĐXH đ- ợc chia thành: BĐ có kế hoạch và BĐ không có KH.

BĐ có KH là những BĐ đã đ- ợc dự báo, dự đoán tr- ớc (có thể là đặt ra chỉ tiêu XH)

BĐ không có KH là BĐ do thiên tai gây ra nh- : bão lụt, động đất ...

+ căn cứ vào tính chất: có BĐ tuần tự và BĐ nhanh, nhảy vọt.

BĐ tuần tự là BĐ theo những nấc thang XH (sự thay đổi XH, tình trạng XH) BĐ nhanh nhảy vọt là BĐ diễn ra trong tr- ờng hợp nhờ hoạt động nhận thức và hoạt động tự giác diễn ra trong một thời gian ngắn rồi chuyển lên hình thức cao hơn.

+ Căn cứ vào nội dung, có BĐ CCXH, BĐ thiết chế XH và BĐ Văn hoá XH. BĐCCXH là sự BĐ của ph- ơng thức SX ra của cải VC, sự BĐ của CC giai cấp, CC nghề nghiệp có ảnh h- ưởng quan trọng đến biến đổi CCXH dẫn đến BĐ thiết chế Xh, BĐ Văn hoá XH (ăn hỏi trong thiết chế hôn nhân)

+ Căn cứ vào tốc độ biến đổi, có BĐ nhanh, BĐ chậm, BĐ lớn, BĐ nhỏ.

+ căn cứ vào phạm vi ảnh h- ưởng có BĐ vĩ mô và BĐ vi mô

c. Các nhân tố của BĐXH

+ Con ng- ời: - Nhu cầu giáo dục nhiều hơn đ/c LL lao động -> sự GD bắt buộc

- Tiến bộ KHKT, công nghệ cao tăng thêm thời gian nghỉ ngơi của một số ng- ời này và làm tăng thêm sự thất nghiệp đ/v một số ng- ời khác.

+ Dân số:

DS phát triển là một động lực đ- a đến BĐ XH hiện đại. Sự BĐ về quy mô DS gây ra thay ểi sâu sắc về VH-XH. DS tăng đặt ra nhiều vấn đề khác về môi tr- ờng TN và môi tr- ờng XH

+ Kinh tế:

- PP, ách thức SX -> sự thành lập các xí nghiệp, nhà máy rộng lớn -> tăng trưởng quá trình đô thị hoá, sự phát triển của t/c công đoàn -> tác động trở lại BĐXH

Câu 37. Biến đổi XH Việt Nam trong giai đoạn mới.

Cũng nh- nhiều QG khác trên TG, VN đã trải qua nhiều giai đoạn LS phát triển, trong mỗi g/đoạn phát triển khác nhau đều chứa đựng nhiều BĐXH

a. Kinh tế

- Tăng tr- ờng nhanh, GDP bình quân tăng ...%

- lạm phát bị đẩy lùi

- Đầu t- :

- Xuất khẩu:

- Đời sống nhân dân ...

b. Chính trị

- Điều chỉnh, thay đổi đ- ờng lối và đổi mới toàn diện ...

- Môi tr- ờng chính trị ổn định

- Nâng cao uy tín trên tr- ờng QT

c. Giáo dục đào tạo

- Mạng l- ới tr- ờng học phát triển

d. Y tế: chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ

e. Văn hoá XH

- Thông tin đại chúng pt
- Hoạt động VH-NT
- Có trên 600 đầu báo, tạp chí ...
- Phát thanh truyền hình

f. Gia đình